



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 260, NĂM THỨ 21

THÁNG 3-2016



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Có một con đường đến với đạo Phật</u>	<i>BBT</i>	3
<u>Pháp môn Tịnh độ</u>	<i>HT. Thích Trí Thủ biên soạn</i>	4
<u>Pháp Cú 304</u>	<i>HT. Thích Minh Châu dịch</i>	15
<u>Điều phục thân tâm</u>	<i>HT. Thích Thanh Từ giảng</i>	16
<u>Làm mẹ với tấm lòng của Phật</u>	<i>Hoang Phong chuyển ngữ</i>	19
<u>Thơ: Quán trọ ngàn sao</u>	<i>Tuệ Sỹ</i>	25
<u>Các tín ngưỡng tôn giáo tại Hàn Quốc</u>	<i>Theo Web. Hanna</i>	26
<u>Phật Giáo Hàn Quốc Ngày Nay</u>	<i>Trần Trúc Lâm</i>	28
<u>Hư Hư Lục: Thằng Cu Trắng</u>	<i>Thích Nữ Như Thủy</i>	30

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Có một con đường đến với đạo Phật

Đạo Phật ở Việt Nam phát triển mạnh sau năm 1963 do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính đó là đạo của trí tuệ.

Đầu tiên người ta theo đạo Phật vì nó tiềm ẩn trong đạo thờ cúng ông bà, trong một số tập tục dân gian, người ta bắt đầu tìm hiểu và nhận thấy đạo Phật, đáp ứng được những thắc mắc về nhân sinh quan và vũ trụ quan.

Giáo lý của đức Phật có những phần đơn giản, giúp cho người ta hiểu biết và làm nền tảng vững chắc cho đức tin.

Đức tin ấy là theo con đường chỉ dạy của đức Phật, người ta biết được Nghiệp quả từ giàu có đến nghèo hèn, từ người đẹp đến kẻ xấu không ai giống ai, đó là do Nhân quả gây ra.

Muốn được Quả tốt thì phải gieo Nhân lành, Nhân ở cả thân, khẩu, ý tức là từ hành động cho tới lời nói đến những ý tưởng, mà Ý là quan trọng bậc nhất vì từ ý xấu, hiện ra lời nói thâm độc và phát ra hành động ác, ngược lại Ý tốt sẽ phát ra lời dịu ngọt, hành động hữu ích cho người khác.

Do vậy mà người tu theo đạo Phật cần phải giữ Tâm cho được thanh tịnh để lời nói và hành động được thanh tịnh, cho nên người ta phải tu để chuyển nghiệp ác, xấu ra nghiệp lành.

Từ những nhận thức đó, nhiều người đã theo đạo Phật như một truyền thống của gia đình, dần dần kinh điển được phổ biến rộng rãi, các lớp học Phật Pháp, các khóa tu thực hành đã củng cố thêm đức tin cho người Phật tử, củng cố nhu cầu thu hút cho người ta đi theo con đường Phật dạy.

Dần dần người Phật tử được nâng cao trình độ, họ có kiến thức để hiểu rằng không phải tu để làm Phật mà tu trước nhất là để chuyển nghiệp, để luyện tâm cho được thanh tịnh.

Cái hạnh phúc mà người ta dễ dàng nhận được là khi tâm thanh tịnh, người ta sẽ không phải khổ đau, vì muôn ngàn nghịch cảnh luôn luôn vây bọc chúng ta hằng ngày, trong đời sống xã hội hôm nay.

BBT/NS/Phật Học

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Hòa Thượng Thích Trí Thủ biên tập

(Khởi đăng từ INS Phật Học số 154)

Chương VII

Chung Quanh Vấn Đề Vãng Sanh

Những điều cần hay biết thêm về Tịnh Độ

Độ

Tiết Thứ 1

Không Sanh Về Tịnh Độ Tất Phải Đọa Ác Đạo

Trong mười phương, số thế giới tuy nhiều vô tận, nhưng xét về phương diện tịnh uế thì chỉ có thể chia làm hai loại mà thôi: Một là Tịnh Độ của chư Phật, hai là tam giới (uế độ) của chúng sanh; không sanh về bên nọ tất phải sanh về bên kia. Sanh về Tịnh Độ tức là thoát ly sanh tử, sanh trong tam giới tức là còn sống chết luân hồi.

Người đời, nếu chỉ làm việc thiện thế gian hoặc chỉ tin phép ngũ giới, thập thiện mà không niệm Phật, tức là chưa kết duyên với Phật. Đã cùng với Phật vô duyên thì chủng tử thanh tịnh vô lậu xuất thế gian sẵn có trong đệ bát thức không có trợ duyên để phát sanh; nếu chủng tử thanh tịnh không phát sanh thì dù cho có tu điều thiện nhiều đến đâu cũng chỉ sanh về cõi trời là cùng, chứ tuyệt đối không sanh về cõi Phật được. Ở cõi trời, phước báu tuy nhiều, nhưng vẫn có hạn và sai khác nhau, nên cuối cùng sẽ có ngày phước hết, báo cùng, thọ mạng tất phải chấm dứt, để rồi tùy nghiệp mới mà thác sanh qua cõi khác, quanh quẩn trong tam giới. Sự thác sanh hoàn toàn tùy thuộc các nghiệp nhơn, thiện hay ác, đã từng gây thêm trong thời

gian sanh ở cõi trời ấy. Nếu nghiệp nhơn ấy là thượng phẩm thập thiện thì vẫn sẽ sanh ở cõi trời; nếu trung phẩm thập thiện thì sanh về cõi người; nếu là hạ phẩm thập thiện thì sanh về cõi A-tu-la; nếu là thượng phẩm thập ác thì đọa vào địa ngục, nếu là trung phẩm thập ác thì đọa vào ngạ quỷ; nếu là hạ phẩm thập ác thì đọa vào bàng sanh.

Chỉ vì các chủng tử thiện, ác trong sáu đường đều là những chủng tử hữu lậu, có công năng hỗ trợ cho nhau tuần thực, nên đều có tánh chất luân hồi. Vì thế mà chúng sanh cứ mãi luân quẩn vô ra trong tam giới, lên xuống trong sáu đường không bao giờ ngừng nghỉ. Lại thêm, tư tưởng và hành động của hết thảy trong sáu đường đều xuất phát bởi khởi điểm thân kiến, ngã chấp, cho nên dữ nhiều lành ít và do đó, thiện nghiệp ít thua ác nghiệp. Kết quả là số chúng sanh sanh vào ba đường dữ nhiều hơn số chúng sanh vào ba đường thiện, thời gian ở trong ba đường dữ cũng lâu hơn. Vì lẽ ấy, Phật dạy: "Chúng sanh lấy ba đường dữ làm cố hương".

Bởi các lẽ trên, ta có thể kết luận một cách quả quyết rằng: Tất cả chúng sanh, nếu không được sanh về cõi Phật, tất nhiên sẽ phải đọa vào ác đạo, không trước thời sau. Nếu muốn sanh về cõi Phật, đương nhiên là phải niệm Phật. Đó là một sự thật tất nhiên không thể phủ nhận.

Tiết Thứ 2

Tông Tịnh Độ Là Thuyền Từ Dụ Nhất Của Thời Mạt Pháp

Trong thời kỳ Chánh Pháp (thời kỳ đức Phật mới nhập diệt), chúng sanh nhờ phước đức dày mà nghiệp chướng nhẹ, cho nên bất cứ tu theo pháp môn nào cũng đều được thành tựu. Bước qua thời kỳ Tượng Pháp (thời kỳ cách Phật diệt bần 1.000 năm), vì cách Phật hơi xa, nhơn tâm lần lần đi xuống, tư lự lần lần phức tạp thêm, trong mười người tu hành may ra được năm, ba người thành tựu. Đến ngày nay, gặp buổi mạt pháp, nhơn tâm càng suy đốn thêm, tư lự càng nhiều tạp hơn và phong tục thì đồi bại đến cực điểm. Nhơn tâm như thế, hoàn cảnh như thế, người phát tâm tu hành chân chính đã là hãn hữu rồi, nói chi đến việc đắc đạo chứng quả nữa! Lại thêm, pháp môn nào cũng đòi hỏi sự cố gắng của tư lự quá nhiều, nên kết quả thu lượm được lại càng hẹp nhỏ!

Muốn chống đỡ với những khó khăn chướng ngại của thời mạt pháp không còn có pháp môn nào hơn pháp môn Niệm Phật. pháp môn này tự nó đã đơn giản dễ theo, ngoài ra nó lại đôn được cả hai sức: tự, tha, để hỗ trợ cho nhau nên dễ thành tựu. Trong kinh Đại Tập dạy: "Đời mạt pháp, trong số ức triệu người tu hành, chưa có được một người đắc đạo; duy chỉ có nương vào pháp môn niệm Phật mới được độ thoát sanh tử". Vì thế nên biết, sau khi các tông phái khác suy tàn, duy chỉ có một Tông Tịnh Độ là còn tồn tại để nối dài pháp vận, cứu độ chúng sanh mà thôi; các Tông khác như Thiền tông, Giáo tông, Luật tông v.v... đều phụ thuộc làm trợ duyên cho Tông Tịnh Độ, chứ không có thể đơn độc tồn tại riêng được.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật đã dạy: "Trong đời vị lai, khi kinh đạo diệt hết ta dùng lòng từ bi, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại trong một trăm năm, chúng sanh nào gặp được kinh này, đều có thể được độ thoát như ý sở nguyện".

Nên nhớ rằng cuối đời mạt pháp, sau khi kinh đạo diệt hết, do lòng từ bi của đức Phật đặc biệt lưu lại một pháp môn mà thôi, ấy là pháp môn Tịnh Độ. Nhờ sự đặc biệt ấy, đạo pháp sẽ kéo dài thêm một trăm năm nữa để độ cho hết những chúng sanh còn chút nhơn duyên với Phật. Với một trí huệ sâu xa vi diệu như Ngài, vì sao Ngài không lưu lại pháp môn khác mà chỉ riêng lưu pháp môn Tịnh Độ?

Vì Ngài biết rằng với chúng sanh cuối đời mạt pháp chỉ có một pháp môn ấy là có thể độ thoát sanh tử mà thôi. Xem thế đủ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thích ứng bậc nhất cho đời này và về sau. Đó là con thuyền Từ dụ nhất đưa chúng sanh lên bờ giải thoát cho đời mạt pháp này vậy.

Tiết Thứ 3 Chưa Đoạn Trừ Hết Hoặc Nghiệp Mà Vẫn Được Dụ Vào Hàng Thánh

Tất cả chúng sanh sở dĩ bị đọa vào con đường sanh tử luân hồi là vì hoặc nghiệp (nghiệp mê lầm) gây nên từ đời vô thủy. Hoặc nghiệp cũng tức là vô minh gồm có căn bản vô minh và chi mạt vô minh. Chính hai thứ vô minh ấy xua đuổi chúng sanh vào trong ba cõi và quanh quẩn mãi trong sáu đường, khiến chịu không biết bao nhiêu là khổ sở. Vì vô minh có công năng xô đẩy chúng sanh

trôi nổi mãi, nên gọi là lưu chuyển môn (cửa lưu chuyển).

Căn cứ vào lẽ thường tu hành thì trước hết cần phải đoạn hoặc (dứt mê lầm) mới chứng được chơn lý. Nếu chỉ mới phá được một phần vô minh tức là chỉ mới chứng được một phần Pháp Thân. Chứng được một phần Pháp Thân thì gọi là hoàn diệt môn (cửa đưa về đạo Tịch Diệt). Từ khi bắt đầu tu tập đoạn hoặc cho đến khi rốt ráo chứng được chơn lý, trong giai đoạn trung gian ấy, hành giả cần phải có con mắt trạch pháp tinh vi, có trình độ trí huệ minh xác, mới tránh khỏi lầm lẫn. Hơn nữa, phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp (vô số kiếp) rồi sau đó mới chứng được Vô Thượng Chánh Giác. Cho dù chỉ cần chứng quả A La Hán thôi, cũng cần phải vận hết tự lực của mình để phá trừ hết 112 phẩm kiến hoặc (mê lầm về kiến thức) và 81 phẩm tư hoặc (mê lầm về tư tưởng) ở trong ba cõi này, rồi mới thành tựu được công phu tu chứng. Xem đó thì biết những bước khó khăn mà hành giả phải trải qua lớn lao biết là đường nào!

Trái lại, với pháp môn Tịnh Độ thì không cần kẻ sanh tiền hành động như thế nào, miễn có chuyên tâm niệm Phật là nhất định vãng sanh. Khi đã được vãng sanh, tức thời bước lên địa vị bất thoái. Như vậy là chưa đoạn hoặc nghiệp mà đã được dự vào hàng Thánh. Sau khi vãng sanh rồi, nhờ hoàn cảnh thuận tiện, tự nhiên nghiệp chướng tiêu trừ, trí huệ phát triển, công quả thành tựu viên mãn một cách dễ dàng, khác nào như thả một bè gỗ từ trên dòng nước; bè gỗ tự nhiên trôi xuôi về biển, không cần phải phí nhiều công sức. Được như vậy là nhờ tha lực hỗ trợ một cách rất đặc lực vậy. Đặc điểm ấy

của pháp môn Tịnh Độ, ai là bậc trí giả đều có thể nhận rõ ràng và y cứ mà thực hành chín chắn, khỏi phải giới thiệu dông dài.

Tiết Thứ 4

Học Phật, Niệm Phật Không Phải Là Yếm Thế, Tiêu Cực

Có lắm người muốn học Phật, niệm Phật mà trong lòng lại ngại dư luận gán cho là tiêu cực, yếm thế hoặc mê tín dị đoan. Họ lầm nghĩ rằng việc tu niệm là việc dành riêng cho ông già bà lão gần đất xa trời; còn đối với những người như họ là phải có những việc khác tích cực hơn, trí thức hơn. Vì vậy, mặc dầu trong lòng họ vẫn thầm mong muốn, nhưng khi ra giữa công chúng, họ không dám công khai lễ Phật, niệm Phật. Thật là một điều sai lầm tai hại!

Đạo Phật là một tôn giáo, nhưng đó cũng là một triết học rất cao thâm vi diệu. Đã là học giả thì cần nghiên cứu môn triết học này, và khi đã nghiên cứu rồi, lại còn phải đem ra thực hành. Vì Phật học là một môn học gồm đủ cả lý lẫn sự, phần lý cốt để hướng dẫn cho phần sự và phần sự cốt để làm sáng tỏ thêm phần lý, lý và sự vốn dung thông nhau, nên nếu thật hành được sự thì có thể đạt được cảnh giới tối cao thâm và càng viên mãn hóa phần lý vi diệu. Phật học khác với các môn triết lý thế gian là tại chỗ đó và cũng chính điều đó mà Phật học khác với các tôn giáo khác: Lý do nào có sự ấy và sự nào có lý nấy, lý thì đều có thể thật hành được, sự thì đều có thể lý giải được. Vì vậy, tùy từng sở cầu, ai muốn riêng nghiên cứu về phần lý giải cũng được, mà ai muốn y lý thực hành để cho sáng tỏ hơn thì cũng lại càng tốt. Sở nguyện nào cũng đều trọn thỏa

mãn được cả. Nói một cách đơn giản hơn là từ những sự lý thiển cận áp dụng hằng ngày đến những cảnh giới thâm diệu siêu tuyệt, không một điều gì mà Phật học không giải quyết một cách viên mãn.

Một môn học vấn cao thâm như thế mà có kẻ nông nổi cho là mê tín hay tiêu cực v.v... thì thật là không khác gì người mù phê bình tranh đẹp, dương cặp mắt... đui lên chẳng thấy gì cả mà cũng nói càn! Không hiểu một chút gì về Phật pháp, chưa từng vô tư tham cứu Phật pháp, chỉ mới thấy một khía cạnh bên ngoài là sự niệm Phật của ông già bà lão mà đã vội cho là mê tín, là thiển cận v.v... đó là hành vi nông nổi của hạng môn ngoại hán (người đứng ngoài cửa). Hạng người như thế thật ra cũng chưa đáng trách lắm. Có đáng trách chẳng là như tín đồ Phật giáo chúng ta, vì thiếu duyên không tìm hiểu cho thấu đáo, khiến cho có những tư tưởng lệch lạc như họ!

Chúng ta nên hiểu rằng, pháp môn Niệm Phật không riêng gì ông già bà cả tu theo mà ngay đến các đức Đại Bồ Tát, như các Ngài Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân v.v... và các nhà đại văn hào cư sĩ như Bạch Cư Dị, Văn Ngạn Bác, Vương Nhật Hưu v.v... cũng đã từng áp dụng có hiệu quả. Như thế, pháp môn Niệm Phật là một pháp môn rất phổ thông từ hạng phàm phu cho đến các bậc Thánh hiền, từ hàng cùng đinh tục tử cho đến các bậc văn nhân học giả. Một phép tu rộng rãi thích hợp cho từ dưới phàm phu lên trên Thánh giả, bao trùm hết các giáo, thâm nhiếp cả mười Tông, tại sao lại không dám tuyên dương cho mọi người đều biết, lại còn sợ dư luận châm biếm? Âu cũng chỉ là

những kẻ nhấp nhem để rồi bắt chước mù theo.

Hạng mù kia làm sao hiểu được cách thờ cúng của người Phật tử, bắt luận là đốt hương, lễ bái, niệm kinh, tụng sám cho đến tuyên dương Phật hiệu, nhất nhất đều bao hàm một tác dụng vô cùng sâu xa nhiệm màu ở trong đó. Hằng ngày hành trì như trên là cốt mượn cảnh giới thanh tịnh, vận dụng tâm niệm thanh tịnh để gột tẩy hoặc nghiệp ô nhiễm chất chứa vô thi kiếp đến nay trong tâm và đang hiện ra ngoài thân, đồng thời cũng để vun xới cho hột giống thanh tịnh xuất thế mỗi ngày một tăng trưởng. Vì thế tôi dám khuyên các bậc thiện trí thức Phật tử trong khi làm Phật sự, không những không nên sợ dư luận mà đồng thời lại còn phải tinh tấn khuyến khích mọi người làm theo. Phật dạy: "Nhơn thân nan đắc, Phật pháp khó gặp". Nay đã được làm thân người mà lại được gặp Phật pháp, nếu chẳng cố công học hỏi thì nào có khác gì người nghèo được đến non vàng mà lại đành cam phận khó và chịu bỏ về không, há chẳng uổng lắm sao!

Tiết Thứ 5

Tán Tâm Niệm Phật Vẫn Có Công Hiệu

Miệng niệm Phật, tâm chuyên nhất tưởng nghĩ đến Phật gọi là định tâm niệm Phật. Miệng niệm Phật, tâm không tưởng nghĩ đến Phật mà lại suy nghĩ vẩn vơ gọi là “tán tâm niệm Phật”. Tán tâm niệm Phật so với định tâm niệm Phật, công hiệu hai bên vốn cách nhau rất xa. Vì thế, xưa nay các bậc đại đức đều khuyên hành giả định tâm niệm Phật, chứ không bao giờ khuyên tán tâm niệm Phật. Nhưng, sự thật thì nhất cử nhất động gì

bên ngoài đều ảnh hưởng đến nội tâm nên dù là tán tâm niệm Phật, sự niệm Phật ấy không phải hoàn toàn vô công hiệu. Và lại, trong khi miệng ta niệm lục tự Di Đà, đó há không phải là phát xuất từ trong tâm ta mà ra hay sao? Cho nên, trong khi miệng ta niệm, bắt đầu là sáu chữ ấy phải từ ý muốn do trong tâm ta phát ra, thứ lại, khi sáu chữ đã phát thành tiếng, âm thanh phát ra như đinh phải trở lui huân tập tâm ta; như thế không thể nói rằng nó hoàn toàn không có hiệu lực, chẳng qua công hiệu của nó so với công hiệu của định tâm niệm Phật có kém thua mà thôi. Chỉ vì công hiệu kém thua nên Cổ Đức không đề xướng, kỳ thực sức hàm ẩn và công hiệu của nó không thể tuyệt đối vô công.

Người xưa có bài kệ rằng:

"Di Đà nhất cú pháp trung vương,
Tạp niệm phân vân giả bất phương,
Vạn lý phù vân giả xích nhật,
Nhơn gian xứ xứ hữu dư quang".

Tạm dịch là:

*Di Đà sáu chữ lớn lao thay,
Tạp niệm lằng nhằng chẳng ngại bày,
Muôn dặm mây mờ che mặt nhật,
Nhơn gian ánh sáng vẫn còn đây."*

Bài kệ nói rất xác đáng. Tịnh chủng (chủng tử thanh tịnh) ở trong đệ bát thức, một khi đã thuần thực, trở ra huân tập đệ lục ý thức phát sanh tịnh niệm; rồi đệ lục ý thức lại dắt dẫn năm thức trước (từ nhãn thức đến thân thức) sanh khởi hiện hạnh. Nhưng khi đi ngang qua ý thức, có lúc bị trần cấu ô nhiễm quá dày, sóng lòng bị kích động quá mạnh đến

nổi lên át tịnh niệm. Ý thức tuy tán loạn nhưng tịnh niệm vẫn liên tục phát khởi và vẫn xuyên qua được, khác nào ánh sáng mặt trời xuyên qua đám mây dày đặc; tuy mây che phủ cùng khắp, nhưng ở giữa nhơn gian vẫn còn có chỗ lập lòe ánh sáng, chứ không tối hẳn như ban đêm. Mây mù chưa tan, song ánh sáng lập lòe kia của mặt trời vẫn có công dụng.

Riêng kinh nghiệm bản thân, bình nhật lắm lúc tôi cũng gặp phải tán niệm quấy rối. Gặp phải trường hợp như thế, tôi vẫn cứ niệm, không cần kể tánh chất tạp niệm ấy là như thế nào, miễn giữ cho niệm niệm đừng xen hở; niệm một lúc lâu rồi tự nhiên lần hồi tịnh định trở lại, không cần phải dụng tâm điều nhiếp, lâu ngày định niệm trở nên thuần thực. Vì thế, cận lai, bất cứ ngày đêm, lúc nào tôi cũng niệm Phật, không cần nghĩ đến tán tâm hay định tâm.

Người xưa trong bốn uy nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, không lúc nào là không niệm. Nếu bảo rằng phải định tâm mới nên niệm Phật, thì trong lúc đi đường vấp ngã hoặc khi mặc áo, viết chữ v.v... làm sao thành tựu được sự niệm Phật? Vì thế cho nên biết rằng tán tâm niệm Phật vẫn có lợi.

Chủ trương như trên đây, không có nghĩa rằng tôi nhất thiết cố xúy cho sự tán tâm niệm Phật. Cố nhiên nếu định tâm niệm Phật được thì rất quý, nhưng rủi có bị tán tâm cũng đừng lo ngại. Lý do thứ nhất là: Dù định tâm hay tán tâm, đã có niệm Phật tức nhiên có chủng tử sanh hiện hạnh và ngược lại hiện hạnh ấy sẽ huân tập trở lại đệ bát thức tạo thành chủng tử; đặng nào cũng vẫn có sanh khởi và huân tập cả, chẳng qua sức

huân tập của tán tâm thì không mạnh bằng sức huân tập của định tâm mà thôi. Lý do thứ hai là: Dù bị tán tâm, cũng cứ nên niệm và phải niệm cho chuyên thì tự nhiên tán tâm sẽ được chuyển thành định tâm. Vì hai lý do ấy nên ở đây vẫn tùy hỷ sự tán tâm niệm Phật vậy.

Tiết Thứ 6

Chữ Y (Độc Là: A) Nếu Tồn Tại, Các Chữ Khác Tồn Tại

Trong khi niệm Lục Tự Di Đà: "Nam Mô A Di Đà Phật", nếu hành giả sợ tâm niệm mình rong ruổi lãng nhăng thời có thể thực hành theo phương pháp "Thập niệm" như đã nói ở chương IV, tiết 2 để đối trị lại. Mỗi khi miêng niệm xong mười hiệu Phật thì tay lần một hạt; như vậy, một đàng vừa phải nhớ số, tâm lực tập trung hết vào đó, tự nhiên vọng niệm không thể nào sanh khởi. Nếu phương pháp thập niệm ấy lại cũng không theo được thì trong mỗi câu niệm chỉ nên nhớ tưởng riêng một chữ A cho rõ ràng, chớ để xao lãng. Miêng niệm, tâm tưởng nhớ, thì các chữ kế tiếp cũng nhớ được. Điều cốt yếu là hành giả phải làm thế nào khiến được tâm tư tập trung duy nhất rồi thì dễ đi đến cảnh "nhất tâm bất loạn", chứng được niệm Phật tam muội và chắc chắn vắng sanh.

Tiết Thứ 7

Năm Tháng Không Chờ Đợi, Đừng Nên Hẹn Lại Ngày Mai

Trên con đường tu hành, việc niệm Phật là một việc vừa cần thiết, vừa cấp bách. Hễ gặp dịp tu là tu liền, gặp dịp niệm được là niệm ngay, chớ nên chần chờ để cho thời

gian luống trôi qua một cách vô ích.

Phật dạy mạng người ở trong một hơi thở, thở ra mà không thở vào nữa là đời tàn! Bất luận lúc nào, giờ phút nào, con người cũng có thể chết được, không một ai có đủ tài năng bảo đảm đời sống vững chắc lâu dài. Thế gian có câu ca rằng: "Đời người khác thể bóng câu, sớm còn tối mất biết đâu mà lường".

Sự thật đơn giản và phũ phàng ấy, từ Thánh nhân cho đến thế tục, không ai là không xác nhận. Sinh hữu hạn, tử vô kỳ, cho nên muốn kịp thời đối phó với cái chết bất thần, ta không nên để lỡ một thời gian nào trôi qua mà không tu niệm. Bất cứ lúc nào tu được, niệm được thì phải gấp rút và tinh tấn hành trì; có thể lúc lâm chung mới tránh khỏi cảnh hoang mang tay quàng chân rối, lúng túng chẳng biết về đâu!

Có một số thường nghĩ sai lầm rằng tay chân còn tráng kiện, đời sống còn dài, việc tu niệm xin để gác lại, đợi khi nào già yếu sẽ bắt đầu hạ thủ công phu cũng không muộn gì. Trong sự tu niệm bằng cách sắp đặt tính toán như trên thường hay đưa đến hồng việc.

Ngày xưa, có người đến nhà bạn là Trương tổ Lưu khuyên niệm Phật. Trương nghe theo, nhưng xin khất lại một ngày khác vì có ba việc chưa làm xong: một là cha mẹ đang còn cần phải lo phụng dưỡng, hai là con cái chưa dựng gả xong, ba là việc nhà chưa thu xếp gọn. Trương hẹn khi nào làm xong ba việc ấy, sẽ hạ thủ công phu, nhất tâm niệm Phật. Sau khi cáo ra về được vài ba tháng, người kia trở lui thăm với chủ ý khiến ông

bạn đừng nên chần chờ nữa, nhưng than ôi! Khi đến mới biết rằng bạn đã là người thiên cổ! Bèn ngậm ngùi than thở và làm một bài thơ điệu rằng:

"Ngô hữu danh vi Trương tổ Lưu,
Khuyến y niệm Phật thuyết tam điều,
Khước hận Diêm công vô phân hiểu,
Tam điều vị liễu tiện lai câu."

Tạm dịch là:

"Ông bạn tôi tên Trương tổ Lưu,
Tôi khuyên niệm Phật hẹn ba điều,
Diêm vương ác hại không thêm hiểu,
Ba việc chưa xong vội bắt liều."

Người đời dù quyền cao chức trọng đến đâu, vẫn không thể bảo đảm cho tương lai đời mình một cách chắc chắn được. Trường hợp như Trương tổ Lưu trên đây không phải là hiếm, vì thế nếu đã có chí tu hành thì tâm phải cho quyết và phải biết lợi dụng thời gian mới khỏi để ân hận về sau. Vậy, lúc nào tu được là nên tu liền, phút nào niệm được là phải niệm ngay.

Tiết Thứ 8

Tác Dụng Của Pháp Môn Niệm Phật Gồm Thâu Hết Tác Dụng Các Tông: Thiền, Luật, Giáo Và Mật

a- So Với Thiền.

Phép Niệm Phật, khi chưa đạt được Nhất Tâm Bất Loạn, so với phép tu Thiền Định hai bên khác nhau rất xa:

Buổi sơ phát tâm, với phép tu thiền định, hành giả không có tâm ưa, chán, thù, xả; với phép tu niệm Phật, hành giả lại phải ưa thù

cảnh giới Cực Lạc và mong xả cảnh Sa bà. Với phép tu thiền định, tâm không được trú trước vào cảnh giới, nếu còn trước tức là sai lạc; với phép tu niệm Phật, tâm lấy cảnh làm đối tượng, tâm năng duyên và cảnh sở duyên phải rõ ràng. Với phép tu thiền định, tâm phải xa lìa pháp chấp; với phép tu niệm Phật, hành giả cần phải lợi dụng pháp chấp. Với phép tu thiền định, hành giả phải thể nhận được pháp tánh thân ngay trong thế gian này; với phép tu niệm Phật, hành giả khởi tưởng sẽ chết ở thế gian này và sẽ sanh về thế giới bên kia.

Vì các lý do trên, Thiền tông và niệm Phật có chỗ bất đồng.

Nhưng khi niệm Phật đã đến chỗ nhất tâm bất loạn, nghĩa là đã đắc định rồi, thì lại là việc khác. Đạt được cảnh giới tam muội, tức thời hư không tan rã, đại địa lập bằng, hiện tiền một niệm dung hợp được với Pháp Thân chư Phật trong mười phương như trăm ngàn ngọn đèn cùng dung hợp ánh sáng và cùng chiếu chung trong một căn nhà, không tan mất không lẫn lộn. Lúc ấy, ý thức phân biệt ly khai. Cảnh giới này so với cảnh giới chân như tam muội của Thiền tông không hai không khác. Xem thế thì đủ biết rằng Tịnh Độ tức là Thiền tông, kết quả của hai bên nào có khác gì nhau?

b- So Với Luật.

Tác dụng của Giới luật là giữ gìn ba nghiệp, thân, khẩu, ý được trong sạch. Mục đích là làm điều lành, tránh điều dữ. Khi tu theo pháp môn Tịnh Độ, thân lễ Phật, miệng niệm Phật, ý tưởng nghĩ đến Phật, cả ba nghiệp đều tập trung, hết thấy sáu căn mắt,

tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều thâm nhiếp. Nếu nói làm lành thì chẳng có lành nào hơn. Nếu nói bỏ ác thì thử hỏi khi ba nghiệp đã tập trung hết vào Phật, đâu còn có chỗ nào hở nữa để làm ác? Như thế vì sao không nói được rằng tu Tịnh Độ tức là tu Giới luật?

c- So Với Giáo.

Còn nói đến Giáo, nghĩa là tuy câu "Nam Mô A Di Đà Phật" chỉ có sáu chữ mà thôi, nhưng nếu bàn đến tác dụng thì 3 tạng 12 Bộ giáo lý của đức Phật thuyết pháp suốt trong 45 năm đều hàm chứa trong đó cả.

Và lại, mục đích nghiên cứu giáo lý là cốt để hiểu rõ lý nghĩa mà phát lòng chánh tín, thiết thật tu trì để thật chứng quả Phật. Mục đích của pháp môn niệm Phật là cắt đứt vọng tâm, duy trì chánh niệm, vắng sanh Cực Lạc, lên bậc bất thoái rồi cuối cùng cũng chứng quả Vô thượng Bồ Đề. Vì thế nếu hành giả phát tâm thành thật tu niệm thì không cần phải nhọc công nghiên cứu giáo lý mà tự trung tất cả giáo lý đều đã đầy đủ. Như vậy, vì sao không nói được rằng tu Tịnh Độ tức là tu theo Giáo nghĩa?

d- So Với Mật.

Phép tu của Mật tông chú trọng về "Tam Mật gia trì". Tam mật gia trì nghĩa là giữ gìn thân mật (thân bất ẩn), khẩu mật (miệng niệm chú), và ý mật (ý quán tưởng tự mẫu). Nếu tinh tấn hành trì đúng ba phép mật ấy thì "tức thân thành Phật" và chứng được sáu thứ vô úy. Đó là điểm đặc sắc của Mật tông. Nhưng với pháp môn Tịnh Độ thì khi ba nghiệp đã tập trung, kết quả thật tế so với tam mật gia trì của Mật tông không khác

nhau mấy. Và lại, tác dụng của pháp môn Niệm Phật có công năng khiến tâm ta và tâm Phật dung hợp làm một, liền chứng được Niệm Phật Tam Muội. Trong lúc tam muội hiện tiền, Phật và ta không hai không khác, không thể phân biệt rằng đó là ta hay là Phật. Vì vậy, trong lúc đương niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", tự thân ta chính là A Di Đà rồi vậy. Như thế cũng có thể nói là "tức thân thành Phật". Dù cho chưa đạt được niệm Phật, được sự cảm ứng đạo giao và được hào quang Phật nhiếp thọ, thì bản thân hành giả có uy lực thần thông của Phật gia bị, có cái gì đáng sợ hãi nữa đâu? Như vậy, vì sao lại không nói được rằng Tịnh Độ tức là Mật tông?

Tóm lại căn cứ vào các ý nghĩa như trên, ta có thể thấy lý do vì sao xưa nay các bậc cao tăng đại đức, các hàng cư sĩ đại nhơn khi tu học Phật pháp đều đề xướng pháp môn Tịnh Độ. Phạm Cỗ Nông tiên sanh cũng nói: "Học thì nên theo Duy Thức, Hành thì nên quy về Tịnh Độ". Vì vậy, nên hãy hành giả càng thâm nhập kinh tạng chùng nào thì lại càng tán dương pháp môn Tịnh Độ chùng ấy. Chỉ có những ai còn đứng ngoài cửa nhìn vào mới xem thường Tịnh Độ. Phải có con mắt tinh vi mới phân biệt được ngọc và đá; biết được ngọc Biện Hòa dễ mấy ai?

Tiết Thứ 9

Ba bộ kinh Phật dạy về pháp môn Tịnh Độ không hề có trình bày một luận lý nào thâm diệu, trái lại, từ lời văn cho đến ý nghĩa, hết thấy rất bình dị đơn giản; do đó một số người lầm tưởng rằng phương pháp Niệm Phật không có học lý. Họ cho rằng đó chỉ là một phương pháp để an ủi các ông già bà lão

mà thôi, chứ không phải phương pháp dành cho các bậc thức giả triết sĩ tu tập. Họ nghĩ rằng nếu những người như họ mà cũng làm theo thì nào có khác gì ông già bà lão hay kẻ ngu phu! Họ sẽ làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng không, chính họ đã làm to!

Trong các kinh nói về Tịnh Độ, sở dĩ Phật không dùng lý để lập luận một cách chặt chẽ mà chỉ chuyên khuyên phát tín tâm và thực hành, không phải vì pháp môn Tịnh Độ không có lý nghĩa vững chãi chẳng qua vì nghĩa lý ấy quá thâm diệu và "bất khả tư nghị", lại thêm ngữ ngôn chỉ hữu hạn, không thể nào nói đầy đủ được, dù cho có nói nhiều đến đâu cũng chỉ diễn tả được một khía cạnh nào đó thôi, không sao tránh được thiếu sót, không sót bên nọ cũng sót bên kia, hoặc nói được một lại sót đến mười. Đó là các lý do khiến Phật không lý luận mà chỉ chuyên khuyên tu trì, thật hành phép Niệm Phật. Nếu hành giả quyết tâm tu trì, một cách chơn chánh và thiết thực thì tất cả nền giáo lý Phật Đà đều đã hàm chứa trong đó rồi. Tu theo pháp môn Tịnh Độ ví như tắm nước biển, trong nước biển vốn đã có cả nước trăm sông ngàn hồ quy tụ về.

Còn nói đến ý nghĩa và cảnh giới của pháp môn ấy thì duy chỉ có Phật mới liễu ngộ được hết cái tinh vi, uẩn áo, cái cao thâm diệu vợi của nó mà thôi, dù cho với trí tuệ của các bậc Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí v.v... cũng chưa hiểu biết đến chỗ cùng tận

Chúng ta thử nghĩ, nếu phương pháp trì danh niệm Phật không phải thật có nghĩa cao siêu và công đức bất khả tư nghị thì tại sao trong kinh "Phật thuyết A Di Đà", Phật dạy rằng

khi Phật nói kinh đó thì hết thầy chư Phật trong sáu phương đều tán thán và hộ niệm? Như vậy, thì biết rằng pháp môn ấy đặc biệt và nhiệm mầu như thế nào?

Vả lại, trong kinh nói: "Không thể nhờ một ít nhơn duyên phước đức thiện căn mà có thể vãng sanh được". Tiếp đó, Ngài lại dạy: "Bảy ngày chấp trì danh hiệu, đạt được nhất tâm bất loạn thì liền được vãng sanh". Như thế thì thiện căn phước đức nhơn duyên của sự chấp trì danh hiệu quả không phải nhỏ vậy.

Tiết Thứ 10

Không Nên Ngộ Nhận Lý Luận: Tự Tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ

Có người vì quá thiên trọng lý thuyết nên khinh lờn thực hành. Lý họ thường viện ra câu: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", rồi liền làm cho rằng Tịnh Độ chỉ ở trong tâm, làm gì có cõi Tây phương mà hằng mong về! Thế là, họ phủ nhận tất cả 48 đại nguyện của đức A Di Đà và thế giới Cực Lạc trang nghiêm.

Có sự chấp nệ tai hại ấy, nguyên do chỉ vì họ lầm lẫn hai hiện tượng Chân Đế và Tục Đế mà họ vô tình đem trộn lại làm một. Vì lấy thể làm dụng nên thể dụng hỗn loạn, chân tục bất phân. Đã là người học Phật, ít nhất cũng đã từng đọc qua bài Bát Nhã Tâm Kinh. Trong tâm kinh có dạy rằng: "Vô trí diệc vô đắc" (không có trí mà cũng không có sở đắc). Nhưng liền sau đoạn ấy, Tâm kinh lại dạy: "Dĩ vô sở đắc cố... đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề" (Vì vô sở đắc cố... được quả Vô Thượng Bồ Đề). Qua hai đoạn kinh ấy, ta thấy rằng: Nếu y vào Chân Đế thì

nói rằng không có “sở đắc” (chỗ đạt được), nhưng nếu y vào Tục Đế thì phải nói rằng có sở đắc. Nếu làm lẫn Chân Đế và Tục Đế, tức là tự mâu thuẫn rồi vậy.

Các câu như trên, không riêng gì Tâm Kinh mới có, trong các kinh khác thường cũng nói đến. Đó là y cứ vào hai phương diện chân và tục bất đồng mà khai thị cho rõ khía cạnh, xin các học giả đừng ngộ nhận khiến sai lạc hết ý nghĩa uẩn áo của kinh văn. Còn như Ngài Lục Tổ, khi Ngài phủ nhận cảnh giới Tây Phương, chính là lúc Ngài đương y vào chân lý thường trú để thuyết minh chân tâm, chứ không phải y vào tục lý để nói về các cảnh giới. Vì duy chân thì hết thấy đều không, nhưng duy tục thì vạn hữu đều có.

Chúng ta không nên tuyệt đối nhận lầm rồi chấp trước ý Tổ, khiến sinh tâm mật sát pháp môn Tịnh Độ. Có hiểu được như vậy thì mới thật là biết cách đọc sách cổ nhân một cách thiện xảo và thâm hiểu ý cổ nhân một cách tinh vi.

Vì các lý do trên, một lần nữa, ta phải cân nhắc lại thật kỹ để định lại một cách chân xác giá trị và phạm vi của câu danh ngôn "Tự tánh Di Đà, Duy tâm Tịnh Độ". Nếu đứng về phương diện Chân Đế mà nói thì không một pháp gì tồn tại (nhất pháp bất lập), ngay đến Phật cũng không còn được trú trước, huống nữa là Cực Lạc và niệm Phật cầu vãng sanh! Vì thế mà nói ngoài bản tánh không có Di Đà (tự tánh Di Đà) và ngoài tâm không có Tịnh Độ (duy tâm tịnh độ).

Cảnh giới ấy là cảnh giới tuyệt đối của Đệ Nhất Nghĩa Không, cho nên đem "dụng" quy về "thể" thì không một pháp nào được gọi là

pháp sở đắc cả.

Ngược lại, khi chưa đạt được Đệ Nhất Nghĩa Không thì phải trú trên "dụng" mà nói và phải nương theo từng tầng bậc tu chứng để làm bàn đạp và tiến lên, do đó mỗi tầng bậc đều có những pháp sở đắc riêng biệt. Đối với công phu nội chứng của hành giả chưa đạt đến trình độ tuyệt đối thì không thể bảo rằng tâm cảnh đều không, thọ tướng đều tịch. Tâm cảnh chưa không, thọ tướng chưa tịch thì hiển nhiên năng và sở còn tồn tại, y báo và chánh báo đều phân minh. Một sắc, một hương, một cảnh hoa, một ngọn lá của cảnh giới Cực Lạc trang nghiêm, thấy đều là đối tượng của ta và ta cần phải mong cầu đạt đến chứ không thể bỏ qua. Nếu không tự lượng sức, chỉ nhắm mắt học thuộc luận điệu của kẻ khác, có thể rất xác thực với kẻ ấy, nhưng chỉ là lý suông đối với mình - thì có khác nào kẻ điên rồ chưa qua khỏi sông đã toan bỏ thuyền bè!

Ta hãy xem lại trong ba bộ kinh thuyết minh Tịnh Độ, khi nói đến tướng tốt của Phật thì không một mảy lông nào, một chân tóc nào, một hào quang nào, một sắc đẹp nào mà không diễn ra một cách tuyệt trần vi diệu; khi nói đến cảnh giới trang nghiêm của Tịnh Độ thì nào là hoa thơm, quả báu, hồ ngọc, cây vàng v.v... không một cảnh nào mà không phải là cảnh hy hữu trên thế gian? Tướng ấy, cảnh ấy toàn là sự thật mà Phật đã thân chứng, chứ đâu phải vẽ vời đặt để ra cho thêm hoa mỹ. Ta không nên có tà kiến cho các cảnh ấy là không có mà bị dọa vào "không vọng ngoại đạo" rất là nguy hiểm.

Tiết Thứ 11

Trên bước đường tu tập, Lý và Sự phải hỗ trợ nhau, cùng phối hợp để hỗ trợ giúp đỡ nhau mới mong đi đến thành tựu. Có Lý, Sự mới có chỗ y cứ dùng làm cương lĩnh và mục tiêu để khởi tác dụng. Ngược lại, có Sự, Lý mới chánh xác và có hiệu quả. Lý soi đường cho Sự, Sự thực hiện mục tiêu của Lý. Phàm làm việc gì mà có Lý có Sự, việc mới thành tựu, ví như đã biết lộ trình mà lại còn chịu cất bước ra đi. Nếu có Lý mà không có Sự thì khác nào kẻ biết đường nhưng lại không chịu đi; cũng như có Sự mà không có Lý thì không khác kẻ muốn đi nhưng lại không biết đường. Người đã biết đường và chịu đi theo đường ấy, Lý Sự tương xứng nhau, nhất định phải thành công. Còn như hai hạng trên kia thật là khó hy vọng thành tựu, nhất là hạng không chịu đi. Hạng chịu đi, mặc dù không biết đường nhưng còn tự biết mình trình độ thấp kém, trí không kiên cường, lòng không tự mãn, trên lộ trình chưa từng biết đích xác, hạng này với một ý chí cương quyết, cứ lần theo con đường mòn của người trước đã đi qua và đã vạch sẵn, một mạch thẳng tiến không chần chờ không do dự; như vậy cuối cùng rồi cũng sẽ đạt đến đích. Kinh, Luận và sách trước tác của các bậc cổ đức thuật lại các sự tích xưa đều là những mũi tên chỉ đường, người sau nên chiếu theo đó mà thật hành, quyết sẽ được thành công như người xưa không khác.

Vì các lẽ ấy cho nên mặc dù thiếu Lý soi đường, những người chịu thực hành cũng chưa lấy gì làm lo. Có lo chẳng là với hạng người chỉ ngồi nói suông mà không chịu thật hành thì dù có nói suốt đời cũng không tiến bộ được nửa bước. Phê phán một cách xác thực hơn nữa thì người không có Sự, quyết

nhiên cũng không thể có Lý. Ví như biết nhà gần sập mà không biết tự liệu để tránh, cứ ngồi nói suông cho khoái khẩu đến nỗi bị nhà đè chết, sao còn gọi được là biết? Vì vậy, Phật pháp có công năng độ kẻ ngu phu thất phụ không biết nửa chữ một cách dễ dàng, chứ khó độ người thế trí biện thông hoặc người không chịu thiết thiết tu hành.

Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, có Ngài Châu Lợi Bàn Đà Già là người rất độn căn. Khi xuất gia làm đệ tử Phật, chỉ được Phật dạy cho hai chữ là Tảo và Chử, thế mà học mãi không thuộc. Hễ nhớ được chữ sau liền quên chữ trước, học chữ trước thì lại quên mất chữ sau. Tuy thế, Ngài vẫn không nản chí, hết lòng cố gắng, không hề xao lãng, cuối cùng vọng niệm tiêu trừ, hoặc nghiệp đoạn giải, Ngài chứng được quả A la Hán.

Đồng thời với Ngài Châu Lợi Bàn Đà Già có Ngài Đề Bà Đạt Đa, một đệ tử rất thông minh và có biện tài vô ngại, Đề Bà học đủ hết các môn thần thông, đọc lâu cả sáu vạn pháp tạng, nhưng vì bản tánh kiêu căng, không chịu tu tập nên cuối cùng bị đọa địa ngục. Xem đó đủ biết, dù bác thông giáo lý, biện luận như thác nước chảy, nhưng nếu không thiết thực tu trì thì hoặc nghiệp từ vô thủy vẫn còn nằm yên bất động, không giảm được một hào ly; thử hỏi sự hiểu biết ấy có bổ ích gì không? Công hiệu lợi ích thiết thực so với một bà già nấu bếp, mặt lem mảy lược, nửa chữ không tường, chưa chắc ai đã hơn ai, nhất là khi bà già này tinh tấn niệm Phật, luôn luôn một lòng tin tưởng, lúc lâm chung nhất định sẽ vãng sanh.

Hành giả nếu suốt đời vùi đầu vào các danh từ lý luận để cầu hiểu biết, những mong làm

nhà bác học trong Phật giáo, nhưng không chịu hạ thủ tu hành thì luôn luôn nhớ hai ví dụ mà Phật đã từng dùng để răn bảo đệ tử; ví dụ món ăn và ví dụ đếm tiền. Người học mà không tu chẳng khác gì nói món ăn ngon mà tự mình không ăn, hoặc đếm của cho người mà tự mình không có xu nhỏ; chung quy bụng đói vẫn đói, túi rỗng vẫn rỗng.

Tóm lại, người học Phật mà thông đạt Lý và y Lý hành Sự một cách đúng đắn thì nhất định phước đức và trí huệ đều đầy đủ; phần lý giải và phần thực hành đã tương xứng, thì nhơn viên quả mãn; quả vị Phật chắc chắn mười phần bảo đảm. Do đó, Lý Sự không thể thiếu một thành công mới có phần nào khả vọng. Ai là người học Phật chân chính nên lưu ý điểm này.

Tiết Thứ 12

Tĩnh Độ Là Pháp Môn Duy Nhất Của Hàng Phật Tử Tại Gia

Nếu muốn tu bất cứ một pháp môn nào cũng tương đối dễ dàng chỉ cần chịu khó gia công là thành tựu. Trái lại hàng tại gia bị gia đình ràng buộc, mưu sinh khó khăn, công việc xã hội phức tạp, thực khó mà thực hành cho được các pháp môn thiên định, quán tưởng và đồng thời nghiên cứu cho thấu đáo nền giáo lý thâm diệu của Phật đà. Nhà bác học ngày nay, cỡi hỏa tiễn lên cung trăng, tưởng e còn dễ dàng hơn hàng thiện nam tín nữ Phật tử tại gia muốn tu theo đạo xuất thế để cầu ra khỏi nhà lửa.

May thay là đức Phật đã vận dụng trí tuệ vô biên và từ bi vô lượng, đề ra pháp môn Tĩnh

Độ rất giản tiện mà có hiệu lực rất lớn, giúp được tín đồ không phí thì giờ, khỏi bỏ công việc, mà vẫn có thể thành tựu được đạo quả một cách chắc chắn. Hễ ai có tu là có chứng, không luận tại gia hay xuất gia, không bỏ sót một ai. Hàng Phật tử tại gia, ngoài pháp môn niệm Phật này ra, tưởng cũng khó có hy vọng thành công đối với các pháp môn khác. Càng khó thành công thì lại càng dễ hay sinh chán nản, lăm lăm còn làm cho thoái khuất rồi mất hẳn tín tâm. Tai hại biết bao! Vì các lẽ ấy nên nói rằng pháp môn Niệm Phật là pháp môn duy nhất cho hàng Phật tử tại gia hiện tại.

Rất mong các đạo hữu tại gia nhận thức tròn đầy tất cả công hiệu viên dung của pháp môn này để cùng nhau niệm Phật và một ngày kia cùng gặp nhau trên ao sen bảy báu của đức Phật A Di Đà.

Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.
(Phỏng theo Tịnh Pháp Khải Thuật)

Lý Và Sự Cần Phải Tương Xứng
(Nếu Không thì thà thiên về sự còn hơn)
Chơn Nghĩa Của Pháp Môn Tĩnh Độ Chỉ Có
Phật Mới Biết Hết

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

304

*Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần
Như tên bắn đêm đen.*

Điều phục thân tâm

HT Thích Thanh Từ

Theo thông lệ vào mùa an cư, tôi có ít lời sách tấn chư Tăng Ni và nhắc nhở Phật tử nỗ lực tu học. Người xuất gia mang trọng trách diu dắt Phật tử cho nên đường hướng phải nắm cho thật vững. Hiểu lơ mờ, thực hành không đến nơi đến chốn, hướng dẫn người khác lệch đường, công đức không có, lại trở thành tội. Phật tử cũng cần biết định hướng tu hành cho đúng đắn để đạt lợi lạc cho bản thân, gia đình và xã hội.

Trước tiên, chúng tôi nhận định đạo Phật không phải là một tôn giáo. Điều này khiến nhiều người ngạc nhiên, thắc mắc vì sao chúng ta cũng thờ cúng lễ lạy nhưng không phải là tôn giáo? Ở đây xin giải nghĩa “tôn” là kính trọng, “giáo” là lời dạy của bề trên. Lời phán dạy của bậc tối cao, phải quý kính tuân hành không thể sai khác. Đó gọi là tôn giáo. Đệ tử Phật tôn kính Đức Bổn Sư vì sự hướng đạo của Ngài đem đến lợi ích trong hiện tại và tương lai, không phải để được ban ân hay bị giáng tội. Hai khái niệm khác biệt rõ rệt.

"Lâu nay chúng ta nghĩ rằng ngôi thiên, bỗng dung hôm nào đó phát hào quang sáng rực, biết được quá khứ, vị lai là giác ngộ. Quan niệm như vậy là sai lầm, không phải mục tiêu đúng đắn của người đệ tử Phật. Ý nghĩa chữ giác ngộ rất rõ ràng: Hiểu sai sự thật là mê, biết đúng như thật là giác ngộ. Cho nên trọng tâm của đạo Phật là phải thấy đúng lẽ thật."

Theo cách nhìn của chúng tôi, “đạo” là con

đường, “Phật” là giác ngộ. Thực hành lời Phật chỉ dạy đi con đường giác ngộ giải thoát, đó là tu. Mê lầm là nguồn gốc của mọi đau khổ. Muốn hết khổ thì phải giác ngộ, từ đó đi đến giải thoát sanh tử. Mục tiêu của đạo Phật là cứu khổ, đưa chúng sanh từ bờ mê lên bến giác. Nếu chưa giác ngộ thì chưa thể giải thoát.

Lâu nay chúng ta nghĩ rằng ngôi thiên, bỗng dung hôm nào đó phát hào quang sáng rực, biết được quá khứ, vị lai là giác ngộ. Quan niệm như vậy là sai lầm, không phải mục tiêu đúng đắn của người đệ tử Phật. Ý nghĩa chữ giác ngộ rất rõ ràng: Hiểu sai sự thật là mê, biết đúng như thật là giác ngộ. Cho nên trọng tâm của đạo Phật là phải thấy đúng lẽ thật.

Đặt câu hỏi giác ngộ điều gì là tối yếu? Đạo Phật nhắm thẳng vào con người. Thấy thân thật, thân quý là mê. Biết nó không thật, giả tạm gọi là giác. Người xuất gia cạo tóc cho xấu, mặc đồ lam lũ cho xấu thêm chút nữa, ăn uống đạm bạc không quá chú trọng chăm sóc cơ thể. Cho nên phải giác ngộ mới can đảm xuất gia. Dù vậy cũng chỉ là giác ngộ bên ngoài.

Vào chùa thời gian đầu chúng ta chưa thể giác ngộ hết những điều Phật dạy đâu, còn mù mờ lắm. Bởi vì chỗ hết sức thiết yếu chúng ta lại không dám nhìn nhận. Cuộc đời này, thân mạng này là không thật, mà thiên hạ cho là thật. Như trong gia đình có người thân bệnh chết, những vị còn lại than khóc

não nề, họ không chấp nhận được. Điều này xưa nay như thế, ai không chấp nhận thì khổ. Người hiểu sự thật ấy thì bình thường trước mọi được mất đổi thay.

Vì vậy người trí khi nhìn thấy thân nhân từ già cuộc đời ra đi biết rằng lúc nào đó cũng đến lượt mình. Người lớn tuổi đi trước. Mình nhỏ hơn sẽ đi sau. Có khi người nhỏ tuổi đi trước, chúng ta càng giết mình tỉnh lại, nhớ rằng người ta giả thì mình thật sao được. Đó là tỉnh giác. Hằng nhớ như vậy thì xuất gia, tại gia tu đều lợi lạc.

Người thế gian cho rằng thân mình là thật nên giành giật danh lợi, tài sắc, gây tội chịu khổ trăm luân muôn kiếp. Nếu thấy giả thì những điều làm thương tổn, phiền hà người khác nhất định không làm. Được như vậy việc tu rất dễ dàng, nhanh tiến. Ngược lại nếu lầm tưởng thân là thật, dù ham tu nhưng rồi cũng muốn thọ hưởng, rốt cuộc chẳng tu tới đâu.

Chúng ta vì giác ngộ cuộc đời tạm bợ nên xuất gia cầu giải thoát sanh tử. Con đường đã vạch sẵn, những ngăn trở, chướng ngại đều nhất định vượt qua. Quả quyết như vậy nên ngày nào còn có mặt thì phải nỗ lực tu. Luôn luôn tỉnh giác thấy thân giả, lời nói giả, cuộc đời cũng giả thì sự tu dễ biết chừng nào. Lời khen tiếng chê chung quanh chỉ là trò chơi. Không có gì đáng để bận tâm, phiền lòng.

Kinh Bát-nhã Phật dạy, Bồ-tát Quán Tự Tại chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách, nghĩa là Bồ-tát quán chiếu thân từ không, duyên hợp giả có, không thật liên vượt qua tất cả khổ ách. Cho nên nghèo cũng không khổ, làm bao nhiêu chi dùng bấy

hiều, sống qua ngày. Bề ngoài khó coi một chút cũng không quan trọng. Thân không thật, đẹp xấu cũng không thật, có gì buồn. Chỉ một câu kinh chúng ta thấu suốt, chịu ứng dụng tu thì mọi khổ ách đều qua.

Đạo Phật đặc biệt hướng dẫn hành giả phải giác ngộ, không nên tin một cách mù quáng. Thông hiểu lời Phật dạy, áp dụng trong cuộc sống đạt được lợi lạc, đó là biết tu. Nhận rõ thân không thật, giả có, là chúng ta đã giác ngộ lẽ thật về thân.

Kế đến tâm. Lâu nay người ta lầm nhận rất nhiều về tâm, đa số người chấp suy nghĩ là tâm mình. Giác ngộ về thân dường như khó nhưng phân tích ra lại dễ. Giác ngộ về tâm rất sâu kín, khó thấy. Như trong đầu chúng ta có bao giờ được năm phút yên lặng không hề suy nghĩ đâu. Hết nghĩ chuyện này đến nghĩ việc kia, liên tục không ngừng nghỉ. Dòng nghĩ suy liên tục như nước trôi qua mắt hút không tồn tại, không chỗ nơi lại chấp là tâm mình.

Tu thiền bắt phải ngồi nghiêm trang, đau chân gần chết vẫn phải chịu đựng một tiếng rười, hai tiếng đồng hồ. Đó là để tự mình khắc phục cho được sự khó khổ trên thân. Thân cực khổ vẫn dễ thắng hơn tâm. Trong đầu lằng xằng muốn ngừng nhưng vẫn cứ chạy, nắm cái này nó tuột qua cái kia, không dừng bao giờ. Vọng tưởng là bóng dáng của các trần đã ghi sâu trong tạng thức, sẵn sàng xuất hiện bất cứ lúc nào, không thể ngăn cản, ngừa đón. Thực sự muốn thắng tâm vọng tưởng trước phải thắng thân. Hàng phục thân thành công mới có khả năng hàng phục tâm. Thân nhọc nhằn một chút chịu không nổi, sẽ không bao giờ hàng phục nổi tâm.

Từ lâu nay chúng ta làm nô lệ cho tâm lăng xăng điên đảo. Cả một cuộc đời bị nó câu thúc không yên. Bây giờ dừng lặng lại gọi là định. Tâm chân thật chính là cái thấy biết vọng. Chỉ có thật mới thấy được giả. Lăng xăng là giả, chợt có chợt mất không thể thấy cái thật. Cho nên trong lúc công phu, chúng ta khéo điều phục thân tâm, áp dụng lời chỉ dạy của Phật Tổ thì sự tu có kết quả.

Ở đây tôi dẫn giải bài kệ hô thiên đề Tăng Ni Phật tử ứng dụng tu cho đúng. Bài kệ đầu hôm bắt đầu bằng hai câu:

Canh một nghiêm trang ngồi tĩnh tu.

Tinh thần tịch chiếu đồng thái hư.

Dừng lặng gọi là “tịch”. Lặng mà biết gọi là “chiếu”. Khi tâm lăng xăng lóng yên thì tâm chân thật hiển lộ lặng lẽ, sáng suốt, trùm khắp hư không. Niệm đầy lên biến mất liên tục. Tâm thì thâm lặng, rõ ràng, thanh thang vô kể.

Muôn kiếp đến nay chẳng sanh diệt,

Đâu cần sanh diệt diệt gì ư ?

Chân tâm tịch chiếu từ muôn kiếp đến nay chưa từng sanh diệt. Tổ dạy ngồi yên tĩnh, tâm lặng thì trí sáng, từ đó sống trở lại với bản tánh sẵn có của chính mình. Nhưng làm sao để những vọng tưởng điên đảo dừng lặng ?

Nhiều vị hiểu lầm ngồi thiền là diệt vọng. Sự thực, vọng hư dối, nó đâu có thật mà diệt, nên tôi chủ trương “Biết vọng”. Thấy biết nó giả dối chỉ cần không chạy theo, không bị dẫn. Khi tâm hiện lên một bóng giả, biết giả không thềm theo, nó tự lặng, trở về bản thể. Câu kệ đánh thức thiền giả đừng nhầm lẫn thấy vọng liền diệt, không vọng lại cố tìm để

diệt. Vọng lặng thì chân hiện, đầy đủ không cần tìm kiếm.

Gẫm xem các pháp đều như huyễn,

Bản tánh tự không đâu dụng trừ.

Người tỉnh giác thấy các pháp thế gian tánh Không, duyên hợp giả có, tạm bợ, huyễn hóa nên không sợ hãi muốn trừ bỏ. Đó là thấy biết bằng trí tuệ. Như người tỉnh táo đâu bao giờ cầm dao đâm bóng mình cho chết. Chỉ có kẻ ngu si không biết bóng là giả, mới cố công diệt bóng. Biết các pháp huyễn hóa thì những hồi tưởng buồn vui thương ghét dấy khởi, chúng ta chỉ cười, tự nhiên nó lặng.

Nếu biết tâm tánh không tướng mạo,

Lặng yên chẳng động tự như như.

Tất cả tướng mạo của vọng tâm đều hư dối. Chân tâm bản tánh không hình tướng nhưng hằng tri. Buông xả đến một lúc tâm lặng yên, tự nó như như. Tâm tánh luôn sẵn đó nên một khi sạch hết vọng tưởng, nó liền hiện bày đầy đủ.

Kết thúc lại, chúng ta nhờ Thế Tôn chỉ đường, hành theo lời Ngài dạy đi đến đích giác ngộ giải thoát. Đó là con đường của đạo Phật. Tăng Ni phải biết gặp Phật pháp, được xuất gia đó là duyên phúc rất lớn, đừng nên xem thường. Cố gắng nuôi dưỡng chủng tử lành mỗi ngày mỗi tăng trưởng. Chúng ta đừng để mang hình thức người tu mà tâm hồn phàm tục, như thế không xứng ở già-lam, thọ nhận của tín thí. Các vị cư sĩ không nên cầu xin ai ban phước, chỉ theo lời Phật dạy ứng dụng tu thì kết quả tự đến.

Đó là lời nhắc nhở của tôi dành cho chư Tăng Ni và quý Phật tử nhân mùa an cư. /-

Làm mẹ với tâm lòng của Phật

Jaqueline Kramer- Sanitsuda Ekachai

Hoang Phong chuyển ngữ

Nuôi nấng một đứa con là cả một sự hy sinh thiêng liêng, một tấm gương phản ánh lòng vị tha. "Hãy làm cho hạt giống nở hoa tại nơi mà mình gieo xuống", đây là câu châm ngôn của bà Jacqueline Kramer. Bà luôn tin rằng bất cứ một người mẹ nào cũng có thể đạt được giác ngộ trong gian bếp của mình, dù phải nấu ăn hay rửa bát.

Bà là tác giả của quyển sách *Buddha Mom* "(Người mẹ Phật)" nêu lên việc tu tập tâm linh và nuôi nấng con cái. Bà đọc được câu châm ngôn trên đây từ một tấm bích chương trong khi tham dự một khóa ẩn cư cách nay đã nhiều năm.

"Tôi nghĩ rằng chẳng cần đi đâu xa, cũng chẳng cần phải theo học các khóa luyện tập với các kỹ thuật kỳ quái và lạ lùng, tôi cũng có thể đạt được giác ngộ nơi mà tôi đang hiện hữu, ngay trong lúc này, bằng cách cứ đảm đang vai trò làm mẹ và quán xuyến công việc nội trợ trong gia đình"

Tình mẫu tử thường được mọi người đề cao chẳng qua cũng chỉ là để che đậy các ước vọng riêng tư của người phụ nữ mà thôi. Quán xuyến gia đình và dọn dẹp nhà cửa thường được xem là các công việc tầm thường, phản ánh sự tụt lùi và yếu kém của người phụ nữ. Thế nhưng đối với bà J. Kramer thì việc nuôi nấng con cái là cả một sự tu tập tâm linh thật tuyệt vời.

Bà cho biết: "Tình mẫu tử cũng có thể ví như một chiếc bình tuyệt đẹp chứa đựng đạo đức mà tất cả chúng ta đều cần đến

trong việc tu tập tâm linh của mình. Nếu các nam và nữ tu sĩ thuộc các tín ngưỡng khác nhau dốc lòng phát huy tình thương yêu vô điều kiện, tham gia vào các công tác bất vụ lợi, khơi động lòng nhiệt huyết, niềm hân hoan vì hạnh phúc của kẻ khác, cũng như khả năng buông xả của mình, thì trên thực tế cũng chẳng khác gì như một người mẹ thực thi bổn phận mình trong cuộc sống thường nhật".

Nếu một người mẹ, dù phải xả thân nuôi nấng con cái, nhưng đồng thời biết phát huy một tâm linh tỉnh thức (*pleine conscience/mindfulness/chánh niệm*) - có nghĩa là thường xuyên quán thấy được tất cả mọi sự vật đều hiện ra và biến đi một cách thật tự nhiên, và không để mình bị lôi cuốn bởi sự trôi sụp của xúc cảm - thì nhất định sẽ thực hiện được nhiều thăng tiến trên đường tu tập tâm linh của mình.

Bà J. Kramer là một người mẹ độc thân, tác giả quyển sách *Buddha Mom: The path of Mindful Mothering* "(Làm mẹ với tâm lòng của Phật: Nuôi con bằng Con đường Tâm linh tỉnh thức)" dựa vào các kinh nghiệm của chính mình và đã giúp được nhiều người mẹ khác biết áp dụng việc tu tập tâm linh vào cuộc sống của họ.

Gần đây bà J. Kramer đã được trao tặng giải thưởng "Những người phụ nữ Phật giáo phi thường" (Outstanding Buddhist Women), và bà cũng đã thiết lập được trên mạng các chương trình giảng dạy miễn phí

dành cho những người mẹ mong muốn được tu tập tâm linh và tìm hiểu sâu xa hơn về Giáo Huấn Phật giáo, và cùng chia sẻ kinh nghiệm với nhau, tùy khả năng và thời giờ của mình.

Với mái tóc bạch kim và chiếc áo giản dị màu hồng nhạt trên người, bà J.Kramer qua đôi mắt lấp lánh phản ánh một niềm hân hoan thật tươi mát, đã thuật lại trường hợp nào đã giúp bà đến với Phật giáo và ý thức được tầm quan của thể dạng tâm linh tinh thức đối với một người mẹ phải nuôi con.

Bà J. Kramer cho biết mình sinh ra trong một gia đình Do Thái giáo và được may mắn có một người mẹ thật hiểu biết, cho phép mình và cả anh trai mình được tự do tìm hiểu về các vấn đề tâm linh. Chính người anh của bà là người đầu tiên giúp bà quán thấy được sức mạnh mang lại từ phép luyện tập tâm linh tinh thức: "Tôi nhận thấy anh tôi sau một khóa ẩn cư, đã trở về nhà với một gương mặt rạng rỡ và thanh thản. Do đó tôi cũng muốn thử xem sao. Thế rồi một sự an bình đã hiện ra với tôi khiến tôi vô cùng kinh ngạc".

Bà J. Kramer bắt đầu học hỏi giáo huấn Phật giáo, và nhờ đó bà ý thức được rằng thiền định không phải chỉ là một phép luyện tập nhằm mang lại sự thư giãn mà là cả một phương pháp tu tập tâm linh giúp quán triệt được quy luật vô thường của thiên nhiên hầu giúp mình vượt lên trên sự quán thấy sai lầm về ý nghĩa của cái tôi và cái của tôi. Sự quán thấy ấy mạnh đến độ khiến bà chỉ muốn xuất gia, thế nhưng vị thầy chỉ dạy bà về thiền định khuyên bà nên nêu cao tấm gương cho những người phụ nữ thế tục chủ gia đình khác trông vào, và lý tưởng đó cũng đã trở thành sứ mạng của cả đời bà.

Bà lập gia đình rồi mang thai, và lúc đó thì bà cũng đã luyện tập phép thiền định về tâm linh tinh thức được ba năm. Giữ tâm mình luôn trong thể dạng tinh thức trong từng giây phút của hiện tại là một cách giúp người phụ nữ loại bỏ được mọi sợ hãi và lo âu trong khi thai nghén. Dịp quan trọng nhất cho thấy hiệu quả của phép luyện tập tâm linh tinh thức này là lúc bà được đưa vào phòng sinh, khi các cơn đau xảy ra dồn dập và tiếp nối nhau.

Bà thuật lại rằng: "Tôi nhất thiết chỉ quan sát sự đau đớn, ý thức từng giây phút một nhưng không suy nghĩ gì cả. Tôi chỉ đơn giản cảm nhận sự đau đớn đó và chấp nhận nó. Đến lúc sinh thì một sự thư giãn và êm ái bỗng hiện ra với tôi và tôi cảm thấy rất hạnh phúc trong những giây phút của hiện tại đó". Bà cho biết thêm: "Điều này đã giúp tôi hiểu rằng không sao tránh khỏi được sự đau đớn, thế nhưng sự khổ đau thì lại khác là một thứ gì đó thuộc vào quyền lựa chọn của chính mình".

Phép luyện tập tâm linh tinh thức đã giúp bà ý thức được rằng hạnh phúc hay không đều là do mình quyết định.

Bà cho biết thêm: "Mỗi khi rơi vào tình trạng hoang mang và bất an thì phải chấp nhận tình trạng đó. Nhìn thẳng vào nó, quan sát nó, nhưng không gây chiến với nó. Hãy chấp nhận nó, theo dõi nó, nhưng không lên án nó, thì các cảm tính (*hoang mang và bất an*) sẽ tự động lắng xuống và tan biến hết một cách kỳ diệu".

Nếu giữ được sự an trú trong từng giây phút của hiện tại trong khi đang làm bất cứ việc gì, dù là đang lật rau hay rửa bát, thì thể dạng tâm linh tinh thức đó sẽ tạo được một lớp không gian tách mình ra khỏi mọi sự khó

khăn. Bà cho biết: "Lớp không gian đó sẽ giúp chúng ta nhìn vào mọi sự vật một cách thoải mái hơn, và từ đó các giải pháp sẽ hiện ra với mình"

Bà quả quyết rằng việc nuôi nấng con cái phản ánh tất cả các khía cạnh của metta (lòng thương yêu, tình nhân ái), karuna (lòng từ bi, sự từ tâm), mudita (niềm hân hoan, phúc hạnh) và upekkha (sự thanh thản, buông xả). Bà cho biết: "Nuôi nấng con cái sẽ tạo ra trong lòng mình một thứ tình thương yêu bất vụ lợi. Và đây cũng là một cách làm gia tăng khả năng yêu thương của chính mình, giúp mình biết mở rộng lòng thương cảm trước những kẻ đang gặp phải khó khăn.

Ngoài ra, niềm hân hoan mang lại khi trông thấy một đứa bé học nói, tập đi hay dần dần lớn khôn theo từng lớp tuổi - là cả một cách giúp mình ý thức được mudita (*tình thương yêu, lòng nhân ái*) là gì - hầu giúp mình hiểu được những nỗi nhọc nhằn của người mẹ trong lúc phải nuôi con từng ngày là những gì có thể chấp nhận được.

Upekkha (equanimity/thanh thản, buông xả) tức là cách nhìn mọi sự vật bằng sự thanh thản, sẽ mang lại cho mình khả năng đối phó với mọi sự tranh đấu, niềm hân hoan và tất cả các thể dạng tâm thần khác với sự buông xả rộng lớn và tình thương yêu". Bà nói rằng: "Upekkha (thanh thản, buông xả) sẽ phát sinh khi quán nhận được sự đau đớn cũng chỉ là thành phần bất khả phân của sự tăng trưởng (*lớn khôn*) và thân phận con người (human condition). Đây chính là sự can đảm dám nhìn vào những gì mà mình không thể thay đổi được với tất cả tình thương yêu của chính mình. Sự can đảm đó là cách cứ để cho con cái mình được là như

thể đúng với chúng, và chấp nhận mình không thể làm gì khác hơn được. Chúng ta chỉ có thể tạo ra một số ảnh hưởng nào đó mà thôi" (*không thể thay đổi nghiệp của con cái mà chỉ có thể tạo ra điều kiện thuận lợi giúp cho chúng tự biến cải nghiệp của chúng. Chẳng hạn bậc cha mẹ phải làm gương cho con cái nhìn vào. Nếu chính chúng ta bất hiểu, rượu chè, cờ bạc, bàn thảo với nhau những chuyện gian trá và mưu mô, nhưng khi quay sang con cái thì lại dạy chúng phải có hiếu, lương thiện, yêu thương và giúp đỡ mọi người... thì đây chỉ là cách tạo ra thêm hoang mang, khổ đau cho chúng mà thôi*).

Quá trình buông xả đó là một khía cạnh tu tập thật quan trọng trong Phật giáo. Bà J.Kramer khẳng định rằng: "Chính vì thế nên việc sinh con đẻ cái là một cách trực tiếp bước vào con đường tâm linh". Sự thanh thản (Upekkha) cũng nói lên một sự can đảm dám chấp nhận một thứ "tình thương thật khó" (amour dur/tough love) (*một thứ tình thương thật nặng nề, đòi hỏi phải có một sự cố gắng và quyết tâm*) mỗi khi cần đến.

Bà cho biết rằng: "Thứ tình thương rất khó đó đòi hỏi chúng ta phải biết đứng ra ngoài và cứ để cho con cái phải chịu đựng các hậu quả mà chúng phải nhận lãnh, và mình thì không nên tham gia vào đây, dù tận đáy tim mình vẫn xao xuyến một tình thương sâu xa". Dầu đây có nghĩa là một sự hy sinh hay là thứ tình thương thật khó trên đây, thì đây cũng là cách mà một người mẹ tu hành nói lên các kinh nghiệm từng trải của riêng mình qua cuộc sống đích thật của chính mình.

Bà J. Kramer trở thành một người mẹ độc thân khi con gái bà là Nicole vừa được ba tuổi. Chỉ vì muốn có thêm thì giờ chăm sóc

cho con mà bà đành phải chấp nhận thay đổi cả nghề ca sĩ chuyên nghiệp của mình, thường xuyên bắt mình phải xa nhà vì phải theo các đoàn trình diễn. Nay bà chỉ là ca sĩ nghiệp dư và làm công việc giữ trẻ để sinh sống. Thế nhưng đây cũng là một cách cách giúp bà hiểu được thế nào là tình thương yêu vô điều kiện đối với con gái mình, và đồng thời cũng giúp bà, qua những nụ cười và những dòng nước mắt, hiểu được là mình cũng phải cần đến một chút tình thương yêu đối với bản thân mình, đây là cách giúp mình biết tha thứ cho chính mình mỗi khi có những ý nghĩ tiêu cực và những xúc cảm tràn ngập con tim mình (*giận con không nghe lời chẳng hạn*).

Những giây phút sai lầm đó rất thường xảy ra. Và nếu không biết tha thứ cho mình, thì rất có thể là mình sẽ không thể nào còn tiếp tục cố gắng gỡ bỏ các thói quen đã bắt rễ từ lâu, xui dục mình phát ra những ngôn từ và hành động thương tổn và đáng tiếc (*chửi mắng và đánh đập con cái*).

Vậy phải làm thế nào khi con cái bướng bỉnh? Bà J. Kramer khuyên chúng ta như sau: "Luôn phải ý thức, và hãy xử dụng sự giận dữ như là một đối tượng thiền định". Dựa vào giáo huấn của Thiền học Zen, bà giải thích thêm: "Bất cứ gì xảy ra với mình đều có thể xử dụng nó như một cánh cửa mở vào giác ngộ".

Bà giải thích rằng: "Mỗi khi con giận bùng lên, thì cứ biến nó trở thành một cánh cửa. Không nên cưỡng lại sự giận dữ, không nên nghĩ rằng mình hay là các xúc cảm của mình là những gì không tốt đẹp, cứ để cho con giận diễn tiến đúng như thế, quan sát nó nhưng không phát lộ một cảm tính căng thẳng hay sợ hãi nào cả, chung quanh xúc

cảm bao giờ cũng còn lại một khoảng không gian (*giúp mình đứng ra ngoài*). Và nhất là không nên phản ứng theo cách mà mình đã quen làm từ trước".

"Không cưỡng lại nó, thì tất nó sẽ biến mất. Không đặt vào tay sự giận dữ bất cứ một quyền hạn nào cả thì tất nó sẽ giảm xuống ngay. Quả hết sức ngoạn mục. Gian nhà mình (*có nghĩa là bên trong tâm thức mình*) bỗng trở nên an bình một cách lạ thường".

Dầu sao thì sự giận dữ cũng không biến mất được sau một đêm ngồi thiền. Dù các thử thách khiến mình phải khổ sở vẫn còn tiếp tục quấy rầy mình, thế nhưng không còn quá nặng nề như trước nữa, và cũng chính vì thế nên việc tu tập là cả một sự cần thiết. Bà J. Kramer luôn xem các công việc thường nhật như là một cách giúp mình luyện tập tâm linh tỉnh thức. Bà cho biết rằng: "Chẳng hạn như khi lật rau thì tôi ý thức được là tôi đang chạm vào nó, khi cắt rau, thì tôi cảm thấy lưỡi dao đang cắt từng cọng một. Khi tôi quán nhìn vào tư duy, xúc cảm, ngôn từ của mình, thì cũng thế. Nếu bạn đang trong thể dạng tâm linh tỉnh thức, và dù cho cuộc sống của mình đang như thế nào đi nữa, thì những gì đang chờ đợi mình đều luôn tươi mát và mới mẻ".

Ngoài việc luyện tập hằng ngày, bà J. Kramer còn tham dự thêm mỗi năm một khóa ẩn cư, nhằm giúp mình khơi động một thể dạng vắng lặng sâu xa hơn nữa trong tâm thức mình, hầu giúp mình sẵn sàng đối đầu với những thử thách và những sự bất định hàng ngày. Bà hiểu rằng mình hoàn toàn có quyền lựa chọn giữa hạnh phúc và khổ đau. Bà nói rằng: "Đối với bất cứ một sự vật nào cũng thế, luôn có một khía cạnh tốt và một khía cạnh xấu. Chúng ta hoàn toàn có quyền

tự do chọn cho mình một thứ gì đó để mà chú tâm vào đấy. Và chính đấy cũng là quyền hạn to lớn nhất mà chúng ta chưa bao giờ biết nắm lấy nó".

Bà luôn an trú trong những phút giây hiện tại và cũng nhờ đó mà bà không còn trách cứ kẻ khác là đã gây ra khó khăn cho mình: "Tôi quán nhận được một điều quan trọng là hạnh phúc của tôi không hề lệ thuộc vào bối cảnh bên ngoài. Nó là một thứ gì đó mà tôi mang bên trong con người tôi, và đấy cũng có nghĩa là tôi phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc của chính mình.

Đồng thời bà cũng khám phá ra rằng dù cuộc sống lúc nào cũng bận rộn, phải chăm lo công việc trong nhà và cả ở nhà giữ trẻ, thế nhưng điều đó không hề gây ra một trở ngại nào trong việc tu tập của mình: "Tôi hiểu được là luôn phải khắc phục cái tôi trước khi bắt tay vào một công việc bất vụ lợi". Thực hiện được điều đó sẽ giúp cho sự rộng lượng bùng lên: "Làm việc trong sự vui vẻ sẽ kết nối mình với mọi người chung quanh".

Nếu biết quan tâm giúp đỡ kẻ khác thì cũng là một cách gỡ bỏ các khó khăn đè nặng trong nội tâm mình. "Mỗi khi cắt đứt được các tư duy tiêu cực trong tâm thức, thì tôi cũng chuyển hướng được dòng tư tưởng của tôi, từ thể dạng tàn phá sang những gì xây dựng hơn".

Dù cho việc chăm sóc con cái là cả một niềm vui đi nữa thế nhưng đối với bà thì làm bậc cha mẹ không phải là một việc đơn giản. Bà nhắc lại: "Lúc con gái tôi là Nicole được 14 tuổi thì thật là khó bảo". Dù tình thương con không hề "lay chuyển", thế nhưng bà cũng đành phải gửi con theo một khóa học

để sửa đổi tính tình. Bà khuyên rằng: "Vì tình thương, bạn phải làm những gì cần phải làm hầu áp đặt một kỷ luật cứng rắn, nhưng cũng nên kèm theo một sự khích lệ với thật nhiều tình thương. Nếu việc tu tập tâm linh có thể giúp một người mẹ hành động một cách trầm tĩnh trước những nỗi lo âu của những đứa trẻ ở lứa tuổi vị thành niên, thì các môn thể thao, âm nhạc hoặc bất cứ một sự say mê nào khác cũng có thể mang lại một hình thức kỷ luật nào đó giúp cho đứa trẻ lớn lên và bước vào tuổi trưởng thành, mà không bị chi phối bởi các thái độ tiêu cực của bạn bè đồng lứa và các ảnh hưởng của giới truyền thông" (*tạp chí, sách đọc và truyền hình dành cho lứa tuổi vị thành niên không phải lúc nào cũng là bổ ích*).

"Không nên quên rằng một đứa bé luôn nhìn vào mình và bắt chước mình. Thế nhưng tất cả sẽ đổi thay khi đứa bé bước vào tuổi vị thành niên. Tuy nhiên điều đó cũng không bắt buộc là lúc nào cũng rập khuôn như thế". Với vẻ mặt đầy hân hoan bà cho biết thêm: "Ngay cả trường hợp đứa trẻ vị thành niên tỏ ra thật "khuấy động", thế nhưng những lúc khó khăn đó rồi cũng sẽ qua đi, đứa con sẽ quay về với mình". Con bà ngày nay đã 26 tuổi và đã làm mẹ, hai mẹ con khăng khít hơn bao giờ hết.

Ngày nay đối với bà là lúc phải chia sẻ, là thời điểm phải hồi đáp lại tình mẫu tử bằng sự quý trọng của chính mình (*tình mẫu tử đã từng giúp mình biết thương yêu và tu tập, thì nay mình phải hồi đáp lại món nợ đó*). [Hơn nữa còn phải trả món nợ cho cả] xã hội đã cung phụng vật chất cho mình, và cho cả bầu không gian mệnh mông của Đạo Pháp [đã ban cho mình sự hiểu biết]. Dù bị xã hội khinh thường, thế nhưng ngược lại thì người

phụ nữ lại tìm thấy hạnh phúc khi chăm lo cho gia đình và tập thể xã hội. Họ không được mọi người kính trọng đúng với giá trị của mình, và thường là bị đánh giá thấp và tiền lương trả kém.

Thật vậy bà J. Kramer cũng đã nhận thấy dễ dàng điều đó. Mỗi khi bà cho biết mình là một người nội trợ thì mọi người đều nhìn bà với đôi mắt không mấy kính phục: "Thật thế khi biết tôi làm nghề giữ trẻ thì mọi người đối xử với tôi như hạng người kém cỏi". Thế nhưng theo bà J. Kramer thì việc chăm sóc cho kẻ khác lại là khía cạnh chủ yếu nhất của bản tính người phụ nữ và cũng là một phẩm tính tốt trong lãnh vực tâm linh (*lòng từ bi*). Điều đó đòi hỏi phải có một tấm lòng rộng lượng, sức chịu đựng và tình nhân ái - đây là các phẩm tính quan trọng nhất mà tất cả các tín ngưỡng đều xem là tối cần giúp cho xã hội được hạnh phúc hơn. Bà nói thêm: "Chúng ta cần một sự thăng bằng giữa "âm" và "dương" (*trong nguyên bản là tiếng Hán: Yin và Yang*) giữa nữ tính và nam tính hầu tạo ra một xã hội hạnh phúc".

Các hình thức tranh đấu và chinh phục - thường được xem là thuộc lãnh vực của nam giới - ngày nay đã trở thành cả một sự ám ảnh toàn cầu, sự mất thăng bằng [gây ra bởi tình trạng đó] đã đưa đến bạo lực trong gia đình và cả ngoài xã hội. Theo bà J. Kramer thì giai đoạn đầu tiên giúp tái lập sự thăng bằng cần thiết là phải nêu cao giá trị của sự phục vụ và cả người phục vụ.

Với tư cách là một người nữ Phật tử tại gia, bà J. Kramer cho rằng mình phải có trọng trách làm gương cho mọi người trông thấy là một người phụ nữ chủ gia đình cũng có thể đạt được sự giác ngộ không khác gì như nam giới. Dù đến nay bà chưa tra tìm được các

chứng tích trong kinh sách xưa, thế nhưng không phải vì thế mà trong quá khứ đã không từng có những người phụ nữ như thế.

Bà thường thắc mắc: "Tại sao các câu chuyện về cuộc đời của những người phụ nữ đó lại không được lưu truyền đến nay?". "Phải chăng là vì họ không được đi học, hoặc là quá sức bận rộn không còn thì giờ nào để viết, hoặc không được luyện tập gì về thiền định? (*một người tu tập không thiền định thì không bao giờ quán thấy được bản chất của mình và thế giới tức là cách mang lại sự giác ngộ cho mình*). Dù vì lý do nào đi nữa thì ngày nay cũng là lúc phải gom góp các câu chuyện giác ngộ của những người phụ nữ làm mẹ, hầu lưu lại cho những đứa con, cả gái lẫn trai, của chúng ta sau này" (*trong hai bài thứ 2 và thứ 5 trong loạt bài Phật giáo và người Phụ nữ, hai tác giả Dominique Trotignon và Gabriela Frey có nêu lên trường hợp của nhiều người mẹ đạt được giác ngộ trong tập kinh Therigatha*).

Đây không phải là vì kiêu hãnh, mà là một sự cố gắng giúp cho người phụ nữ nhận thấy là họ có thể mang lại lợi ích khi ý thức được bản chất và thân phận mình, hầu giúp mình tu tập bằng các khả năng cảm nhận đặc thù của riêng mình.

Làm mẹ tức là phải ý thức được rằng việc chăm lo cho con cái là một bổn phận thiêng liêng, và việc sinh con đẻ cái cũng là cả một tấm gương phục vụ vô điều kiện. Người mẹ phải hiểu rằng mình đang bước vào con đường tâm linh một cách thật sự, mình phải biến ngôi nhà mình thành một cảnh chùa, biết lợi dụng các thử thách hằng ngày để phát huy một tâm linh tỉnh thức và tình nhân ái (metta), xem con cái mình như là những vị thầy giảng dạy mình về vô thường, sự

chấp nhận và buông xả.

Con cái lớn khôn. Chúng thay đổi từng phút một. Và rồi vào một ngày đẹp trời nào đó chúng sẽ bỏ mình đi xa. Con cái mình nào có phải là của mình mãi mãi đâu. Không có ai là của mình cả. Chúng chỉ nhờ vào sự che chở của mình một lúc nào đó trong cuộc đời chúng mà thôi.

"Mọi sự vật biến đổi không ngừng. Một khi đã ý thức được là hoàn cảnh của chính tôi cũng sẽ đổi thay, thì tôi cũng sẽ hiểu được ý nghĩa của sự khôi hài là gì *(bám víu một cách vô vọng vào vô thường chẳng phải là một chuyện ngu xuẩn và khôi hài hay sao?)*. Tôi sẽ hít một hơi thật dài và thăm đếm từ 1 đến 10 *(để nhận thấy mình đang bước từng bước một theo dấu chân của vô thường. Hít một hơi thật dài để cùng vui thú với từng bước chân đó của đời mình)*.

Nhờ đó tất cả những gì tỏ ra không sao chịu đựng nổi sẽ trở nên thật trong sáng. Sự giác ngộ phải trải qua thật nhiều kiếp sống còn xa tít trong tương lai, thế nhưng làm mẹ với tấm lòng của Phật - mà bà J. Kramer đã làm tròn bốn phận mình - sẽ mang lại sự hân hoan cho cuộc hành trình thật dài đó, ngay tại chính nơi này và trong những giây phút hiện tại này.

Vài lời ghi chú của người dịch

Bài viết với những lời văn thật giản dị và chân thật, nhưng không kém phần trong sáng và sâu sắc, đã giúp chúng ta cảm nhận được những xúc cảm thật sâu, chân thật và cảm động trong tâm hồn của một người phụ nữ làm mẹ với tấm lòng của Phật. Người chuyển ngữ không còn một lời nào để thêm vào, nếu không thì đây cũng chỉ là cách làm vỡ tan sự tinh khiết của xúc cảm trong tâm

hồn bà, hoặc cũng có thể làm nhòe đi giọt nước mắt thật trong và thật mặn trong khoé mắt của bà mà thôi. Thật vậy chúng ta chỉ còn biết cầu mong tất cả những người phụ nữ làm mẹ cũng tự tin và bước theo con đường của bà, nhìn vào con cái mình với tấm lòng của Phật, giúp mình chẳng khác gì như bà, sẽ hoàn tất được cuộc hành trình thật dài đó của mình với sự hân hoan trong từng giây phút một của hiện tại này. Chẳng phải đây là cách mang lại hạnh phúc cho gia đình, yên vui cho xã hội và an bình trên hành tinh này hay sao?

Bures-sur-Yvette, 19.02.16
Hoang Phong chuyển ngữ



Quán trọ của ngàn sao

Tuệ Sỹ

*Mắt em quán trọ của ngàn sao
Ngọt ngát hoang sơ ánh rượu đào
Pha loãng nắng tà dăng cát bụi
Ấm lòng khách lữ bước lao đao
Mắt huyền thăm thẳm mướt đêm nhung
Mưa hạt long lanh rơi nén hồng
Sương lạnh đưa người xanh khói biển
Bình minh quán trọ nắng rung rung*

Trại giam Phan Đăng Lưu, Sài Gòn 79

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Giấc mơ Trường Sơn*, An Tiem California, 2002

Các tín ngưỡng tôn giáo tại Hàn Quốc

Theo Trang Web Hanna



Không giống một số quốc gia khác, chỉ có một tôn giáo duy nhất, tại Hàn Quốc tồn tại khá nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Trong đó nổi bật có, Đạo Phật, Khổng Giáo, Đạo Thiên Chúa, Tin Lành,...

Tại Hàn Quốc, quyền tự do tôn giáo được đảm bảo. Mọi người có quyền lựa chọn tín ngưỡng tôn giáo của mình. 50, 7% người Hàn Quốc theo một tôn giáo cụ thể. Số người theo đạo Phật chiếm 46%, tiếp theo là đạo Tin lành với 39%, và số người theo đạo Thiên chúa chiếm 13% tổng số người theo đạo – Theo số liệu thống kê của một cuộc khảo sát xã hội năm 1995.

Đạo Phật

Theo một số thông tin lịch sử lưu giữ lại, đạo Phật du nhập vào Hàn Quốc năm 372 sau CN – thời kỳ vương quốc Goguryeo, từ bang Đông Tấn Trung Quốc nhà sư Malananda đã đưa đạo Phật vào Baekje. Thời bấy giờ Đức Phật là biểu tượng thờ cúng duy nhất giống như vua là người nắm quyền hành duy nhất.

Vào thế kỷ thứ sáu, các nhà sư và các thợ thủ công di cư sang Nhật Bản với các cuốn kinh và vật thờ đã hình thành cơ sở của nền văn hoá Phật giáo ở Nhật. Dưới sự bảo trợ của hoàng tộc, nhiều chùa và miếu thờ được dựng lên, số lượng tín đồ Phật giáo không ngừng tăng nhanh.

Vào thời kỳ Silla thống nhất các vương quốc trên bán đảo Triều Tiên năm 668, vương quốc này đã đưa đạo Phật trở thành quốc đạo. Trong suốt thời kỳ Goryeo, nghệ thuật và kiến trúc mang phong cách Phật giáo tiếp tục phát triển với sự hỗ trợ của các tầng lớp thượng lưu.

Tuy nhiên bước sang triều đại Joseon, đạo Phật đã không còn thịnh hành. Bất kỳ nỗ lực nào nhằm làm sống lại Đạo Phật đều bị coi là chống lại các học giả và quan lại theo đạo Khổng.

Phật Giáo bắt đầu phục hưng vào những thế kỷ trước, và đã có những nỗ lực để thích ứng với sự thay đổi xã hội hiện đại. Có rất nhiều nhà sư đi theo con đường nghiên cứu học thuật về tôn giáo ở các trường đại học trong và ngoài Hàn Quốc. Đạo Phật Hàn Quốc có xu hướng Seon (thiền định) đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều Phật tử trong đó có nhiều người nước ngoài qua các bài giảng tại chùa Songwangsa ở tỉnh Jeollanam-do, các trung tâm Seon ở Seoul và nhiều tỉnh thành khác.

Tin lành

Thông qua các nhà truyền giáo, chủ yếu là người Mỹ, Đạo Tin lành chính thức du nhập vào Hàn Quốc vào năm 1884. Thông qua các chương trình như chăm sóc sức khỏe y tế, giáo dục, phụ nữ, từ thiện, xã hội... Đạo Tin lành được truyền bá rộng rãi.

Các nhà truyền giáo đã đóng góp cho xã hội Hàn Quốc qua việc cung cấp các dịch vụ y tế và giáo dục nhằm truyền bá các triết lý của giáo phái. những nhà lãnh đạo độc lập nguyện công hiến cho sự nghiệp chính trị, là những tín đồ đạo Tin Lành Hàn Quốc như giáo sư Seo aae- pil, Yi Sang- jae và Yun Chi- ho.

Trải qua các thời kỳ hỗn loạn và khó khăn như cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), đạo Tin lành ngày càng lớn mạnh hơn và hiện có lượng tín đồ đứng thứ 2 tại Hàn Quốc, chỉ sau Phật giáo.

Đạo Tin Lành được mọi người chào đón nồng hậu không chỉ như một tín ngưỡng mà còn vì ý nghĩa chính trị, xã hội, giáo dục và văn hoá tốt đẹp của nó.

Thiên Chúa giáo

Trước đạo Tin lành khoảng 100 năm vào thế kỷ XIII, Đạo Thiên chúa được truyền bá vào Hàn Quốc, Xuất phát điểm của việc truyền bá đạo Thiên chúa bắt đầu từ trường phái “Tây học”, là học vấn được truyền bá vào từ phương Tây do những người phương Nam bị tách rời khỏi quyền lực thời bấy giờ, được quan tâm nghiên cứu. Do đó, có thể nói đạo Thiên chúa ở Hàn Quốc là “sự truyền bá tự phát” việc tự nghiên cứu và yêu cầu gửi người truyền giáo..., cho nên đã trải qua quá trình đặc biệt, không có trường hợp tương tự trên toàn thế giới.

Làn sóng các hoạt động truyền giáo của đạo Thiên Chúa vào Hàn Quốc từ thế kỷ XVII Hiện nay, đạo Thiên chúa là tôn giáo lớn thứ 3 tại Hàn Quốc, chiếm khoảng 35% tín đồ tôn giáo cả nước.

Khổng giáo

Ngày nay, tập tục thờ cúng tổ tiên của đạo Khổng vẫn rất phổ biến và lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ được đề cao như một đạo đức trong xã hội Hàn Quốc.

Khổng giáo được du nhập từ thế kỷ thứ 6 trước CN. Khổng giáo là hệ thống các kết quả của tri giác đạo đức, tình yêu nhân từ, sự trung thực, nghi lễ và sự trị vì sáng suốt được đặt ra nhằm khuyến khích và gìn giữ những nguyên tắc trị nước tề gia.

Không giống với Đạo Phật, ở thời kỳ đầu Khổng giáo không có chùa, Goguryeo, Baekje và Silla là ba nước chịu ảnh hưởng nhiều nhất về Khổng Giáo. Ở vương quốc Goguryeo, một trường đại học nhà nước có tên gọi Daehak thành lập năm 372 và một số trường tư dạy đạo Khổng cũng được thành lập. Và hai quốc gia còn lại cũng xây dựng các trường học để truyền bá đạo Khổng.

Khổng giáo vẫn còn tồn tại đến ngày nay tại đất nước Hàn Quốc với những truyền thống và tín ngưỡng tốt đẹp về tình cảm con người, gia đình và xã hội.



Phật Giáo Hàn Quốc Ngày Nay

Trần Trúc Lâm



Sau đệ nhị thế chiến và cuộc chiến Triều tiên, Phật giáo Nam Triều tiên đã phải đối phó với nhiều thách thức và dần thích nghi với cuộc sống của thế giới phát triển hiện đại. Từng bị lãng quên một thời gian dài nơi rừng sâu, nay đã trở lại sinh hoạt nơi thị thành. Nhiều chùa chiền đã được xây dựng trở lại trong thành phố. Thiền phái Tào Khê đã đóng một vai trò trung tâm trong quá trình hoằng dương Chánh Pháp trong suốt chiều dài lịch sử của xứ sở này. Phật giáo đã có nhiều sự phục hưng đáng kể, trong đó các tăng sĩ chân tu của thiền phái Tào Khê đã thay thế những tăng sĩ có gia đình để trụ trì những ngôi chùa trước đây từng bị quân Nhật chiếm đóng bỏ nhiệm.

Ở bắc Hàn, tin tức gần đây cho biết là nhà nước cộng sản đã nói lỏng các sinh hoạt tôn giáo, nhất là Phật giáo. Có 60% dân chúng theo Phật giáo. Hơn 300 ngôi chùa được tu bổ và hoạt động. Bản dịch Bộ Đại tạng Kinh ra tiếng Hàn ở thế kỷ 13 nay được in ấn phát hành rộng rãi thành gồm 25 cuốn. Trong khi

ấy nhà nước bắc Hàn chỉ chính thức cho 2 thánh đường Protestant Pongsu Church của Tin Lành và Catholic Changchung Cathedral của Công giáo La Mã được hành lễ. Trong hiến pháp năm 1992 của bắc Hàn, điều 68 ghi “bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và xây dựng nơi thờ phượng”; nhưng điều ấy còn qui định “Không ai được phép dùng tôn giáo như là phương tiện để đưa quyền lực ngoại bang vào đất nước, hay để hủy diệt trật tự xã hội và nhà nước.” đủ cho thấy chính quyền bắc Hàn thừa biết quyền lực khuynh đảo của các tổ chức truyền giáo “tin lành” của Anh Mỹ.

Hiện tại ở Triều Tiên có tất cả là 18 tông phái Phật giáo khác nhau xuất phát từ bốn tông phái chính là Thiền tông, Mật tông, Pháp Hoa tông và Hoa Nghiêm tông. Tất cả đều theo truyền thống Phật giáo Đại thừa. Trong 18 tông phái trên, nổi bật và có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất là Thiền phái Tào Khê đã được thiền sư Tae-go (Thái Cổ: 1301-1382) sáng lập. Hiện có khoảng 1632 ngôi chùa là chi nhánh ở khắp trong và ngoài Triều Tiên, và có khoảng 18.000 tăng ni và khoảng 6.000.000 tín đồ qui y theo phái này.

Như một truyền thống lâu đời, Phật giáo nam Hàn đẩy mạnh các công tác giáo dục xã hội, tham gia và đáp ứng các nhu cầu quần chúng hiện nay. Hầu hết các ngôi chùa đều có xây dựng nhà trẻ và trường tiểu học. Các tăng sĩ Triều Tiên đều đóng vai trò quan trọng trong lãnh vực giáo dục phổ cập. Hiện tại Phật Giáo Triều Tiên điều hành nhiều trường

Phật học sơ và trung đẳng toàn quốc, và một trường Đại Học Phật giáo ở Dong-Guk, trường này có chi nhánh ở Seoul và Kyongju, đặt biệt đào tạo tăng ni. Một số lượng lớn nam nữ Phật Tử Hàn đã xuất gia để trở thành rường cột cho giáo hội Phật giáo Nam Hàn ngày nay. Những phát triển của Ni giới gần đây cũng được phát triển mạnh mẽ. Có rất nhiều chương trình tu học cho mọi giới trong xã hội.

Có nhiều vị sư Mỹ gốc Hàn đã quay về cố quốc để hoằng hóa, ví dụ Hòa thượng Hyon Gak Sunin, một công dân Mỹ tốt nghiệp trường đạo Harvard Divinity School, đã xuất gia trở thành một Tăng sĩ Phật giáo, và hiện đang trụ trì chùa Hwagyesa tại Hán Thành.

Dù đạo Tin Lành vẫn đang ở thể thượng phong tuy nhiên gần đây, một vài vụ xì-căng-đan không mấy tốt đẹp đã xảy ra nên làm cho tín đồ hoang mang và suy ngẫm xét lại sự tương hợp giữa Tin Lành và dân tộc Hàn. Năm 2006, Mục sư Kim Hong-Do trưởng Hội thánh Kumran tại Mangwoo-dong (Hán Thành), đã bị tòa kết tội lừa gạt và biển thủ 3.2 tỉ Hàn tệ (khoảng 3,375,000 USD). Ông này đã cường điệu vào năm 2004 rằng Chúa đã trừng phạt những nạn nhân của cơn Sóng thần Tsunami ở nam Á vì không chịu tin theo đạo Tin Lành. Trước đó vào năm 2003, Mục sư Jang Hyo-Hee Chủ tịch Hội Đồng Tin Lành Hàn Quốc, lớn nhất tại Nam Hàn, đã nhảy lầu tự tử từ một cao ốc, khi người chồng của người tình nhân trở về nhà bắt thần trong lúc hai người đang tăng tịu.

Người dân Hàn quốc đang từ từ ý thức được cái giá đắt của suy đồi đạo đức phải trả cho thứ văn hóa vật chất và tiêu thụ của tây phương đã cấy vào tâm thức người dân Hàn

quốc, và rằng họ không thể dùng thể tín dụng để trả giá hạnh phúc lâu dài, và loại Phúc Âm Tin Lành của Mỹ đang được rao truyền trên đất nước họ, nhất là từ những con múa rối Tin Lành giả hiệu (pseudo-Christian puppets) thối nát, nên nhiều Phật tử nhận ra vai trò của Phật giáo, một vốn liếng truyền thống lâu đời, có thể cống hiến một viên thuốc trị độc cho xã hội. Vị Sa môn Mỹ gốc Hàn này đã tuyên bố: “Chúng ta phải chứng tỏ rằng chúng ta chỉ tìm được tự do thật sự không phải trong sự cầu chứng vô kiểm soát, mà trong sự chế ngự và điều phục được dục vọng. Rằng hạnh phúc đích thực không nằm trong sự gia tăng thủ đắc của cái, mà trong tâm an bình và lòng hoan hỉ”.

Một du sinh Việt nam hiện đang học đại học ở Nam Hàn nhận xét không khí sinh hoạt Phật giáo ở đất nước này còn được phổ cập trên các phương tiện truyền thông. Phật giáo có một kênh truyền hình phát sóng cho cộng đồng học tập và tìm hiểu. Những ngày lễ lớn, các ngã tư đường phố đều treo cờ hoa. Điển hình là ngày Lễ Phật Đản, được tổ chức long trọng, về đêm bầu trời tràn ngập pháo hoa đón mừng Khánh đản.

Tuy khoảng cách của giới trẻ với sinh hoạt Chùa ở Hàn chưa rút ngắn nhanh như mong muốn vì xã hội vẫn còn tất bật chạy theo đua đòi vật chất, nhưng càng ngày càng có đông giới trẻ Triều Tiên đã chú ý và tham gia vào các sinh hoạt Phật Pháp như ghi danh theo học các khóa giáo lý, khóa tu thiền ngắn hạn, công tác từ thiện xã hội... Những sách viết về Phật giáo của Sư ông Nhất Hạnh đang được bày bán rất nhiều ở các nhà sách và rất được giới trẻ hâm mộ tìm hiểu sau cuộc hoằng hoá thuyết pháp của Hòa thượng tại Nam Hàn gần đây. Đối với họ công đức

trình bày làm mới đạo Phật của Sư Ông để thích hợp với lối sống hiện đại thiết thực hơn, nhờ vậy đã thu hút giới trẻ có cách nhìn thấu đáo hơn về một tôn giáo cổ truyền của dân tộc Hàn..

Lại nữa kỹ nghệ du lịch đang giúp phục hồi vai trò quan trọng của Phật giáo tại quốc gia này, và bảo đảm cho di sản lâu đời được bảo tồn liên tục. Chùa chiền được mở cửa cho công chúng viếng thăm, và Tổng cục Du lịch Hàn quốc đã hợp tác và triển khai thành công chương trình “Ngủ tại Chùa” (Temple Stay Program) để đẩy mạnh kỹ nghệ du lịch trong dịp giải vô địch bóng đá quốc tế World Cup 2002. Dân chúng và du khách nước ngoài đã có thể trú ngụ tại chùa, sống như một nhà tu, ngắn thì một ngày, dài thì ba tháng. Thu nhập từ “dịch vụ” này, thường được gọi là “công quả” đã được sử dụng để trùng tu lại chính ngôi chùa. Lúc đầu, chương trình này còn khiêm nhường, chỉ 14 chùa tham gia. Nhưng bây giờ thì đã tăng lên gấp ba, có đến 50 chùa tham dự. Trong năm 2005, đã có hơn 50,000 “thí chủ” trả tiền để được “ngủ tại chùa”.

Dựa vào những chứng cứ hiện nay người ta tin tưởng rằng Phật giáo Triều Tiên đang trên đà phát triển mạnh và đầy lạc quan ở tương lai. Vì thế các nhà lãnh đạo quốc gia và các Giáo Hội Phật giáo ở Đông Nam Á nên nghiên cứu kỹ bài học của Triều Tiên để rút tĩa kinh nghiệm hầu kịp thời đối đầu với những mưu ma chước quỷ của tây phương hòng khuynh đảo đất nước mình, đồng thời học hỏi cách phục hưng của Phật Giáo Triều Tiên trong thời đại mới.



HƯ HƯ LỤC

Thích Nữ Như Thủy

Thằng Cu Trắng

Thuở xưa, có một thiếu nữ gia đen kết hôn với một người gia trắng, cuộc hôn nhân dị chủng này gây sự bất bình cho cả hai dân tộc da đen lẫn gia trắng. Người vợ bị gia đình cô từ bỏ, trong khi xã hội da trắng cũng không chấp nhận cô, tất cả đều khinh rẽ và đối xử với cô rất đen bạc.

Đứa con đầu lòng của người thiếu phụ đáng thương này chào đời như một ân sủng của Thượng đế. Chú bé trắng trẻo khôi ngô khiến ai trông thấy cũng phải nể nang. Chúng ta gọi nó là thằng cu Trắng cho tiện. Cu Trắng được nhận vào lớp học dành riêng cho dân da trắng lúc nó lên 5 tuổi. Sự thông minh đỉnh ngọ của thằng bé khiến mọi người phớt lờ đi nguồn gốc da đen của nó.

Cu Trắng đi học được ít lâu thì người mẹ hạ sanh thêm một đứa em. Lần này Thượng đế không thiên vị nữa, một thằng cu đen thui đen thui chào đời. Chúng ta gọi nó là thằng

cu Đen cho tiện.

Cu Trắng đem lại cho bố mẹ nó bao nhiêu niềm vui thì cu Đen đem đến cho họ bấy nhiêu khổ sầu. Cu Đen biết thân mình chỉ lẩn quẩn ở bên mẹ, không dám và không được đi chơi với bố cùng anh.

Lên 5 tuổi, cu Đen cũng được bố mẹ chạy chọt cho vào học chung trường với cu Trắng. Nó bị bạn bè da trắng trêu chọc, hành hạ dữ dội. Cu Trắng cũng khổ sở vì sự hiện diện của thằng em không ít. Cuối cùng cả hai anh em đều bị chủng tộc da trắng đuổi ra khỏi trường.

Túng thế, bố mẹ của chúng phải sắp xếp như thế này: Cu Trắng được gửi đến một trường học nội trú của dân da trắng, thật xa để không ai biết đến nguồn gốc da màu của mẹ và em nó. Còn cu Đen thì được gửi về quê ngoại theo học tại một trường nô lệ dành riêng cho dân da màu. Ông bố tiếp tục đi làm, bà mẹ thui thủi một mình ở nhà mà lòng nhớ con khôn tả. Sự hợp chủng kỳ diệu của hai dòng máu bất chấp sự kỳ thị của loài người đã khiến cu Trắng thành một đứa bé thông minh vượt bậc. Điều này là nguồn an ủi cho bà mẹ và nàng thiếu phụ đáng thương này đặt hết hy vọng vào đứa con đầu lòng. Riêng thằng cu Đen, màu da đen đã xác định hẳn số phận hẩm hiu của nó.

Ở trường học dành riêng cho dân da trắng, cu Trắng được thầy cô yêu mến, bạn bè kính nể, không một ai có mấy may nhờ vực về nguồn gốc da màu của nó. Riêng thằng cu Trắng lúc nào cũng nơm nớp lo sợ mọi người biết được sự thật về mẹ và em mình, sẽ tống cổ nó ra khỏi trường. Vì thế cu

Trắng rất lấy làm khổ sở khi phải tiếp xúc với mẹ và em. Những ngày nghỉ học, cu Trắng thường la cà ở nhà bạn bè để cho bà mẹ ở nhà mỗi mòn trông đợi, và bà đã chết trong nỗi buồn thương đó, bố chúng cũng không sống được bao lâu. Sau khi bố mẹ qua đời, cu Trắng liền cắt đứt liên lạc với em.

Về sau, cu Trắng trở thành một chàng trai học thức, đẹp trai... Nó vào lính làm đến đại úy, rồi giải ngũ về làm biện lý tại một thành phố lớn, sống một cuộc đời giàu sang danh vọng như bao nhiêu người Âu khác, có khác chăng là lòng lúc nào cũng hồi hộp lo sợ người ta khám phá ra dòng máu lai đen của mình, dù cu Trắng đã khôn khéo thay tên đổi họ.

Riêng thằng cu Đen, thì không được may mắn như anh, màu da của nó đã xác định sẵn địa vị của cu Đen trong xã hội. Biết anh không thích mình nên cu Đen chỉ làm bạn với sách vở và những người bạn cùng màu da. Hai anh em đều khôi ngô, thông minh như nhau. Có khác chăng là hai màu da và cu Đen sống hoàn toàn thoải mái không có nỗi lo sợ bị lộ tung tích ám ảnh suốt ngày đêm như cu Trắng.

Sau mười mấy năm trời cách biệt, một hôm cu Đen tình cờ đến gần anh. Được cu Trắng chấp thuận cu Đen đến thăm anh. Vì cuộc gặp gỡ này một tai nạn xảy ra, mọi người đều biết chàng cu Trắng là dân da màu. Tất cả những gì cu Trắng đã dày công gây dựng như danh vọng, tình yêu, sự nghiệp đều nhất loạt sụp đổ./-

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc
7913 Rochelle Road
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368

To: